

Số: **17** /2012/TT - BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **26** tháng **7** năm 2012

THÔNG TƯ

Ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Công nghệ kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Nghệ thuật

Căn cứ Luật Dạy nghề, ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ - CP, ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 86/2008/QĐ - TTg, ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 53/2011/QĐ - TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2011 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định 86/2008/QĐ - TTg, ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 06 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với một số nghề thuộc các nhóm nghề Công nghệ kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Nghệ thuật như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề các nghề: Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy; Công nghệ cán, kéo kim loại; Nguội sửa chữa máy công cụ; Chế tạo thiết bị cơ khí; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp; Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ; Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò; Kỹ thuật lò hơi; Điện tử dân dụng; Chế biến rau quả; Kỹ thuật điêu khắc gỗ; để áp dụng đối với trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên nhưng không bắt buộc áp dụng đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy” (Phụ lục 1).

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Công nghệ cán, kéo kim loại” (Phụ lục 2).

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Nguội sửa chữa máy công cụ” (Phụ lục 3).

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Chế tạo thiết bị cơ khí” (Phụ lục 4).

5. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp” (Phụ lục 5).

6. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ” (Phụ lục 6).

7. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kỹ thuật cơ điện mỗ hàm lò” (Phụ lục 7).

8. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kỹ thuật lò hơi” (Phụ lục 8).

9. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Điện tử dân dụng” (Phụ lục 9).

10. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Chế biến rau quả” (Phụ lục 10).

11. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kỹ thuật điều khắc gỗ” (Phụ lục 11).

Điều 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Điều 1 của Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2012. Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số: 31/2007/QĐ - BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2007, 14/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 27 tháng 03 năm 2008, 38/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 16 tháng 4 năm 2008, 18/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 31 tháng 03 năm 2008, 25/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 31 tháng 03 năm 2008, 16/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 31 tháng 03 năm 2008, 46/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 02 tháng 5 năm 2008, 40/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 16 tháng 4 năm 2008, 29/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 4 tháng 4 năm 2008, 56/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 26 tháng 5 năm 2008, 27/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 4 tháng 4 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. /*MS*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các UB của QH;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT, TCDN (20 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Phi



Phụ lục 1:
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề, chương trình khung trình độ nghề sản xuất bột giấy và giấy”
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐTBXH
 ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 1A:
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy

Mã nghề: 40510528

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về: Hoá đại cương, hoá hữu cơ, hóa phân tích, hoá gỗ và xenluloza, an toàn lao động,...

+ Trình bày được các phương pháp sản xuất bột giấy khác nhau, nắm được quy trình công nghệ sản xuất bột giấy, tính toán được các bài toán cơ bản về nấu bột, rửa bột, sàng bột và tẩy trắng bột giấy;

+ Trình bày được ý nghĩa của việc thu hồi hoá chất và nắm được nguyên lý làm việc của các thiết bị có trong dây chuyền thu hồi hoá chất, tính toán được các bài toán cơ bản cho công đoạn chung bốc, xút hoá theo quy trình công nghệ đã cho;

+ Mô tả được quy trình công nghệ sản xuất giấy bằng các loại máy xeo giấy khác nhau, có khả năng tính toán một số bài toán cơ bản cho quá trình sản xuất từ bột giấy thành giấy;

+ Mô tả được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị sản xuất bột giấy và giấy;

+ Trình bày được sơ đồ cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo lường và điều khiển tự động quá trình sản xuất bột và giấy;

+ Trình bày được đặc điểm, tính chất, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các thiết bị trong phòng thí nghiệm bột và giấy, thao tác được các bài thí nghiệm, biết tính toán, phân tích và xử lý kết quả thí nghiệm;

+ Phân tích được những ảnh hưởng của ngành công nghệ sản xuất bột

giấy và giấy tái môi trường, từ đó đề ra các biện pháp xử lý làm giảm khả năng gây ô nhiễm môi trường.

- Kỹ năng:

+ Tính toán được các bài toán cơ bản và vận hành được các công đoạn trong dây chuyền công nghệ sản xuất bột giấy và giấy từ xử lý nguyên liệu đến gia công, bao gói sản phẩm giấy;

+ Vận hành được các thiết bị trong phòng thí nghiệm bột và giấy, phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm;

+ Xử lý được một số sự cố thông thường trong công nghệ sản xuất bột giấy và giấy;

+ Có khả năng tự học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghề nghiệp.

2. *Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:*

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật và Luật Lao động;

+ Nắm và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành công nghiệp nói chung và ngành Giấy Việt Nam;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Tự giác học tập nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học và không ngừng tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao; có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. *Cơ hội việc làm:*

Sau khi tốt nghiệp, học sinh có thể đảm nhận công việc tại các phân xưởng sản xuất, phòng thí nghiệm của các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy hoặc tại các doanh nghiệp chế biến và gia công giấy,...

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. *Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian khoá học: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1710 giờ; Thời gian học tự chọn: 630 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 701 giờ; Thời gian học thực hành: 1639 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I.	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II.	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1710	389	1226	95
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	240	107	114	19
MH 07	Hoá đại cương	60	25	28	7
MH 08	Hóa hữu cơ	75	33	37	5
MH 09	Hóa phân tích	75	34	37	4
MH 10	Kỹ thuật an toàn	30	15	12	3

II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1470	282	1112	76
MH 11	Hóa học gỗ và xenlulozo	75	35	37	3
MĐ 12	Xử lý nguyên liệu	45	10	32	3
MĐ 13	Sản xuất bột hoá	105	35	66	4
MH 14	Sản xuất bột cơ	75	34	37	4
MĐ 15	Tẩy trắng bột giấy	90	25	54	11
MĐ 16	Chuẩn bị bột và các hoá chất phụ gia	105	30	68	7
MĐ 17	Vận hành phần ướt máy xeo	105	30	68	7
MĐ 18	Vận hành phần khô máy xeo	75	20	51	4
MĐ 19	Vận hành phần hoàn thành	45	10	32	3
MĐ 20	Kiểm nghiệm trong quá trình sản xuất bột giấy	90	23	59	8
MĐ 21	Kiểm nghiệm trong quá trình sản xuất giấy và cactông	75	20	45	10
MĐ 22	Xử lý chất thải	45	10	31	4
MĐ 23	Thực tập sản xuất cơ bản	540	0	532	8
Tổng cộng		1920	495	1313	112

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 24	Vẽ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 25	Cơ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 26	Kỹ thuật điện	60	30	26	4
MH 27	Kỹ thuật nhiệt	120	79	36	5

MĐ 28	Đo lường công nghiệp	90	30	56	4
MH 29	Điều khiển quá trình công nghệ	90	42	43	5
MĐ 30	Thu hồi hoá chất sau nấu	45	10	31	4
MĐ 31	Tái chế giấy loại	90	25	61	4
MH 32	Công nghệ sản xuất giấy Tissue	120	73	42	5
MH 33	Xử lý nước	105	61	40	4
MH 34	Thiết bị ngành giấy	105	50	50	5
MH 35	Kỹ năng giao tiếp	30	13	13	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể chọn 9 trong tổng số 12 môn học, mô đun có trong danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn ở trên để xây dựng chương trình đào tạo nghề. Cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 24	Vẽ kỹ thuật	60	30	25	5

MH 25	Cơ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 26	Kỹ thuật điện	60	30	26	4
MĐ 28	Đo lường công nghiệp	90	30	56	4
MH 29	Điều khiển quá trình công nghệ	90	42	43	5
MĐ 30	Thu hồi hoá chất sau nấu	45	10	31	4
MĐ 31	Tái chế giấy loại	90	25	61	4
MH 34	Thiết bị ngành giấy	105	50	50	5
MH 35	Kỹ năng giao tiếp	30	13	13	4
Tổng cộng		630	260	330	40

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề:	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí cho học sinh tham quan, học tập các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy có công nghệ khác nhau, sản phẩm khác nhau, có công suất và mức độ hiện đại khác nhau;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hoá xã hội... nhà trường bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày Từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các buổi tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan cơ sở sản xuất, dã ngoại	Mỗi kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý

Phụ lục 1B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy

Mã nghề: 50510528

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 42

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về: Hoá đại cương, hoá hữu cơ, hóa phân tích, hoá lý, quá trình và thiết bị công nghệ hoá học, hoá gỗ và xenlulozơ, an toàn lao động, tổ chức và quản lý sản xuất,...

+ Trình bày được các phương pháp sản xuất bột giấy khác nhau, nắm vững quy trình công nghệ sản xuất bột giấy, tính toán thành thạo các bài toán cơ bản về nấu bột, rửa bột, sàng bột và tẩy trắng bột giấy;

+ Trình bày được ý nghĩa của việc thu hồi hoá chất và nắm được nguyên lý làm việc của các thiết bị có trong dây chuyền thu hồi hoá chất, tính toán được cho công đoạn chưng bốc, xút hoá theo quy trình công nghệ đã cho;

+ Mô tả được quy trình công nghệ sản xuất giấy bằng các loại máy xeo giấy khác nhau, tính toán được cho quá trình sản xuất từ bột giấy thành giấy;

+ Mô tả được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất bột giấy và giấy;

+ Trình bày được sơ đồ cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo lường và điều khiển tự động quá trình sản xuất bột và giấy;

+ Trình bày được đặc điểm, tính chất, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các thiết bị trong phòng thí nghiệm bột và giấy, làm được các bài thí nghiệm, biết tính toán, phân tích và xử lý kết quả thí nghiệm;

+ Phân tích được những ảnh hưởng của ngành công nghệ sản xuất bột giấy và giấy tới môi trường, từ đó đề ra các biện pháp xử lý làm giảm khả năng gây ô nhiễm môi trường;

+ Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học để có thể tự học tập nâng cao trình độ, qua đó tiếp thu được các kiến thức về khoa học, công nghệ mới qua sách báo và các thông tin trên mạng.

- Kỹ năng:

+ Tính toán và vận hành được các công đoạn trong dây chuyền công nghệ sản xuất bột giấy và giấy từ xử lý nguyên liệu đến gia công, bao gói sản phẩm

giấy;

+ Vận hành được các thiết bị trong phòng thí nghiệm bột và giấy, phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm;

+ Xử lý được một số sự cố thông thường trong công nghệ sản xuất bột giấy và giấy;

+ Có khả năng tổ chức và quản lý một ca sản xuất độc lập;

+ Có khả năng tự học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghề nghiệp;

+ Có khả năng đào tạo, hướng dẫn nghề Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy cho thợ bậc thấp hơn.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật và Luật Lao động;

+ Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành công nghiệp nói chung và ngành Giấy Việt Nam;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Tự giác học tập nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học và không ngừng tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao; có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận công việc tại các phân xưởng sản xuất, phòng thí nghiệm, phòng kỹ thuật của các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy hoặc tại các doanh nghiệp kinh doanh cung cấp hoá chất, thiết bị cho ngành giấy, các công ty chế biến và gia công giấy, kiểm nghiệm xuất nhập khẩu giấy,...

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khoá học: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1019 giờ; Thời gian học thực hành: 2281 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I.	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II.	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2310	563	1620	127
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	420	217	171	32
MH 07	Hoá đại cương	90	40	40	10
MH 08	Hóa hữu cơ	75	33	37	5
MH 09	Hóa phân tích	75	34	37	4
MH 10	Hóa lý	60	40	15	5
MH 11	Quá trình và thiết bị công nghệ hoá học	90	55	30	5
MH 12	Kỹ thuật an toàn	30	15	12	3
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	1890	346	1449	95

MH 13	Hóa học gỗ và xenlulozo	75	35	37	3
MĐ 14	Xử lý nguyên liệu	45	10	32	3
MĐ 15	Sản xuất bột hoá	105	35	66	4
MH 16	Sản xuất bột cơ	75	34	37	4
MĐ 17	Tẩy trắng bột giấy	135	46	76	13
MĐ 18	Chuẩn bị bột và các hoá chất phụ gia	105	30	68	7
MĐ 19	Vận hành phần ướt máy xeo	105	30	68	7
MĐ 20	Vận hành phần khô máy xeo	75	20	51	4
MĐ 21	Vận hành phần hoàn thành	45	10	32	3
MĐ 22	Kiểm nghiệm trong quá trình sản xuất bột giấy	105	27	68	10
MĐ 23	Kiểm nghiệm trong quá trình sản xuất giấy và các tông	105	27	60	18
MĐ 24	Xử lý chất thải	45	10	31	4
MH 25	Tổ chức và quản lý sản xuất	60	32	25	3
MĐ 26	Thực tập sản xuất cơ bản	540	0	532	8
MĐ 27	Thực tập sản xuất nâng cao	270	0	266	4
Tổng cộng		2760	783	1820	157

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Vẽ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 29	Cơ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 30	Kỹ thuật điện	60	30	26	4
MH 31	Kỹ thuật nhiệt	120	79	36	5
MĐ 32	Đo lường công nghiệp	90	30	56	4
MH 33	Điều khiển quá trình công nghệ	90	42	43	5
MH 34	Kỹ thuật sản xuất bột giấy cải tiến	45	21	20	4
MĐ 35	Thu hồi hoá chất sau nấu	45	10	31	4

MĐ 36	Vận hành tráng phủ giấy	45	16	26	3
MĐ 37	Tái chế giấy loại	90	25	61	4
MH 38	Công nghệ sản xuất giấy Tissue	120	73	42	5
MH 39	Xử lý nước	105	61	40	4
MH 40	Thiết bị ngành giấy	105	50	50	5
MĐ 41	Thiết kế kỹ thuật công nghiệp giấy	60	27	31	2
MĐ 42	Thí nghiệm sản xuất bột giấy và giấy	105	12	90	3
MH 43	Tiếng Anh chuyên ngành	60	27	30	3
MĐ 44	Khai thác sử dụng Internet	45	16	26	3
MH 45	Kỹ năng giao tiếp	30	13	13	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 06 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho trường mình;

- Ví dụ có thể chọn 15 trong tổng số 18 môn học, mô đun có trong danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn ở trên để xây dựng chương trình đào tạo nghề, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Vẽ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 29	Cơ kỹ thuật	60	30	25	5
MH 30	Kỹ thuật điện	60	30	26	4
MĐ 32	Đo lường công nghiệp	90	30	56	4
MH 33	Điều khiển quá trình công nghệ	90	42	43	5
MH 34	Kỹ thuật sản xuất bột giấy cải tiến	45	21	20	4
MĐ 35	Thu hồi hoá chất sau nấu	45	10	31	4
MĐ 36	Vận hành tráng phủ giấy	45	16	26	3
MĐ 37	Tái chế giấy loại	90	25	61	4
MH 40	Thiết bị ngành giấy	105	50	50	5
MĐ 41	Thiết kế kỹ thuật công nghiệp giấy	60	27	31	2
MĐ 42	Thí nghiệm sản xuất bột giấy và giấy	105	12	90	3
MH 43	Tiếng Anh chuyên ngành	60	27	30	3
MĐ 44	Khai thác sử dụng Internet	45	16	26	3
MH 45	Kỹ năng giao tiếp	30	13	13	4
Tổng cộng		990	379	553	58

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Bài tập thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí cho sinh viên tham quan, học tập các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy có công nghệ khác nhau, sản phẩm khác nhau, có công suất và mức độ hiện đại khác nhau;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hoá xã hội... nhà trường bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 5 giờ đến 6 giờ; Từ 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày Từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các buổi tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan cơ sở sản xuất, dã ngoại	Mỗi kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý.



Phụ lục 2:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Công nghệ cán, kéo kim loại”

Ban hành kèm theo Thông tư số **17** /2012/TT - BLĐTBXH

ngày **26** tháng **7** năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 2A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Công nghệ cán, kéo kim loại

Mã nghề: 40510408

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được bản vẽ các mối ghép, các cơ cấu truyền động, các thiết bị trong dây chuyền cán, kéo kim loại;

+ Trình bày được kiến thức về các mối ghép, các cơ cấu truyền động, các chi tiết máy điển hình, sử dụng các dụng cụ đo thường dùng trong chế tạo máy, cấu trúc, cơ tính và các phương pháp nhiệt luyện vật liệu cơ khí;

+ Trình bày được sơ đồ nguyên lý làm việc của một số mạch điện thông dụng;

+ Trình bày được quy trình công nghệ sản xuất các loại sản phẩm cán, kéo kim loại;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, quy trình điều chỉnh, quy trình vận hành các thiết bị trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại;

+ Trình bày được nguyên nhân gây ra các sự cố, sai hỏng thông thường về công nghệ, thiết bị trong quá trình vận hành và phương pháp xử lý những sự cố, sai hỏng đó;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý trong quá trình tổ chức sản xuất cán, kéo kim loại, sắp xếp công việc trong phạm vi tổ nhóm sản xuất, phương pháp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của người có trình độ thấp hơn;

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản về công tác bảo hộ lao động; quy trình, quy phạm an toàn, vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất cán, kéo kim loại.

- Kỹ năng:

+ Phân loại được các cụm thiết bị trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại;

+ Thực hiện được các công việc gia công sản phẩm cơ khí bằng dụng cụ cầm tay hoặc có sự hỗ trợ của máy đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Chuẩn bị được phôi liệu theo yêu cầu của sản phẩm và quy trình công nghệ;

+ Thực hiện được vận hành lò nung phôi đúng quy trình, đảm bảo nhiệt độ nung của phôi cán, đạt năng suất và tiết kiệm nhiên liệu theo định mức;

+ Vận hành được các thiết bị chính, thiết bị phụ trợ trong dây chuyền cán, kéo kim loại đảm bảo năng suất và chất lượng yêu cầu;

+ Phát hiện được và thực hiện xử lý được những sai hỏng, sự cố thường gặp trong quá vận hành và điều chỉnh thiết bị cán, kéo kim loại;

+ Làm được việc bảo vệ, cải thiện được môi trường lao động, sản xuất, đảm bảo môi trường làm việc đạt chuẩn theo quy định của Nhà nước.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác- Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh, Hiến pháp, Pháp luật và Luật Lao động;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam, định hướng phát triển của ngành Thép Việt Nam, giữ gìn và phát huy truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định nghề đào tạo;

+ Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ra trường học sinh trực tiếp làm công việc chuẩn bị phôi; nung phôi; vận hành thiết bị cán, kéo, làm nguội và thu hồi sản phẩm trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại; làm cán bộ kỹ thuật thiết bị phân xưởng cán, kéo kim loại; tiếp tục học lên bậc học cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1725 giờ; Thời gian học tự chọn: 615 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 702 giờ; Thời gian học thực hành: 1638 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng- An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5

II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1755	573	991	162
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	300	183	91	26
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	41	15	4
MH 08	Cơ kỹ thuật	60	42	15	3
MH 09	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	45	25	15	5
MH 10	Điện kỹ thuật	45	24	16	5
MH 11	Kim loại học và nhiệt luyện	90	51	30	9
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1455	390	900	136
MH 12	Lý thuyết cán kéo kim loại	90	53	30	7
MH 13	Công nghệ cán kéo kim loại	90	63	20	7
MH 14	Lò nung kim loại	75	38	30	7
MH 15	Thiết bị cán, kéo kim loại	90	54	30	6
MH 16	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	11	15	4
MH 17	Đánh giá tác động môi trường trong nhà máy sản xuất gang thép	45	30	10	5
MĐ 18	Gia công nguội cơ bản	60	14	38	8
MĐ 19	Hàn cắt kim loại cơ bản	60	15	38	7
MĐ 20	Chuẩn bị phôi cán	90	15	67	8
MĐ 21	Vận hành lò nung phôi cán	150	20	120	10
MĐ 22	Điều chỉnh máy cán thanh và cán dây	165	19	132	14
MĐ 23	Vận hành máy cán thanh và cán dây	195	20	152	23
MH 24	Tổ chức và quản lý sản xuất	30	13	15	2
MĐ 25	Kéo dây kim loại	135	20	101	14
MĐ 26	Kiểm tra, xử lý và thu hồi sản phẩm	120	20	85	15
	Tổng cộng	1965	679	1078	179

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC:
(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Sản xuất ống hàn	150	15	121	14
MĐ 28	Uốn tạo hình	135	15	109	11
MĐ 29	Kéo kim loại màu	60	15	39	6
MĐ 30	Cán tấm kim loại	180	17	139	24
MĐ 31	Ứng dụng công nghệ khí nén thủy lực	90	15	67	8
MH 32	Cơ tính kim loại	45	30	12	3
MĐ 33	Nhiệt luyện sản phẩm cán	105	44	53	8
MH 34	Sử dụng và đúc trực cán	90	43	41	6
MH 35	Công nghệ cán nê m ngang	45	28	9	3
MĐ 36	Cán ống không hàn	120	25	85	10

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Công nghệ cán, kéo kim loại đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể lựa chọn 06 môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Uốn tạo hình	135	15	109	11
MĐ 29	Kéo kim loại màu	60	15	39	6
MĐ 30	Cán tấm kim loại	180	17	139	24
MĐ 31	Ứng dụng công nghệ khí nén thủy lực	90	15	67	8
MĐ 36	Cán ống hàn	150	15	121	14
	Tổng cộng	615	77	475	63

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề: * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Trường có thể bố trí tham quan, thực tập tại một số cơ sở, doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề Công nghệ cán, kéo kim loại;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

- Do điều kiện đầu tư thiết bị thực tập chuyên môn nghề ở các Trường khó có thể đáp ứng nên cần tăng cường các phương pháp và các phương tiện mô phỏng, mô hình trực quan trong quá trình giảng dạy;

- Trong quá trình thực hiện các mô đun chuyên môn nghề nếu Trường không đủ thiết bị thì cần phải có sự kết hợp với các cơ sở sản xuất có dây chuyền thiết bị công nghệ cán, kéo kim loại để thực hiện;

- Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại thứ tự mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý.

Phụ lục 2B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Công nghệ cán, kéo kim loại

Mã nghề: 50510408

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được bản vẽ các mối ghép, các cơ cấu truyền động, các thiết bị trong dây chuyền cán, kéo kim loại;

+ Có kiến thức thiết kế, tạo lập bản vẽ bằng máy tính;

+ Trình bày được kiến thức về các mối ghép, các cơ cấu truyền động, các chi tiết máy điển hình, sử dụng các dụng cụ đo thường dùng trong chế tạo máy, cấu trúc, cơ tính và các phương pháp nhiệt luyện vật liệu cơ khí;

Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc một số khí cụ điện bảo vệ và điều khiển mạch điện hạ áp, sơ đồ nguyên lý làm việc của một số mạch điện thông dụng;

+ Phân tích được quy trình công nghệ sản xuất các loại sản phẩm cán, kéo kim loại;

+ Phân tích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, quy trình điều chỉnh, quy trình vận hành các thiết bị trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại;

+ Trình bày được phương pháp tính toán, thiết kế các cụm chi tiết cơ bản trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại như: tính toán, thiết kế lỗ hình trục cán; tính toán, thiết kế lò nung phôi; tính toán thiết kế các cụm chi tiết thay thế trong dây chuyền cán, kéo kim loại;

+ Trình bày được phương pháp tính toán các thông số công nghệ và lập quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm cán, kéo kim loại như: quy trình nung phôi, quy trình cán, quy trình kéo,...

+ Phân tích được nguyên nhân gây ra các sự cố, sai hỏng thông thường về công nghệ, thiết bị trong quá trình vận hành và phương pháp xử lý những sự cố, sai hỏng đó;

+ Phân tích được kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý trong quá trình tổ chức sản xuất cán, kéo kim loại, sắp xếp công việc trong phạm vi tổ nhóm sản

xuất, phương pháp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của người có trình độ thấp hơn;

+ Ứng dụng được những kiến thức cơ bản về công tác bảo hộ lao động; quy trình, quy phạm an toàn, vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất cán, kéo kim loại.

- Kỹ năng:

+ Phân loại được các cụm thiết bị trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại; Lập được bản vẽ chi tiết máy, cơ cấu máy bằng máy tính;

+ Thực hiện được các công việc gia công sản phẩm cơ khí bằng dụng cụ cầm tay hoặc có sự hỗ trợ của máy đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Chuẩn bị được phôi liệu theo yêu cầu của sản phẩm và quy trình công nghệ;

+ Vận hành được lò nung phôi đúng quy trình, đảm bảo nhiệt độ nung của phôi cán, đạt năng suất và tiết kiệm nhiên liệu theo định mức;

+ Vận hành được các thiết bị chính, thiết bị phụ trợ trong dây chuyền cán, kéo kim loại đảm bảo năng suất và chất lượng yêu cầu;

+ Điều chỉnh được các thiết bị đảm bảo đúng quy trình, các thông số công nghệ trước và trong mỗi ca sản xuất;

+ Chuẩn đoán, phát hiện và thực hiện (chủ động) xử lý được những sai hỏng, sự cố thường gặp trong quá vận hành và điều chỉnh thiết bị cán, kéo kim loại;

+ Tính toán, thiết kế được một số cụm chi tiết cơ bản trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại như: tính toán thiết kế lỗ hình trục cán, tính toán thiết kế giá cán,...

+ Tính toán được các thông số công nghệ và lập được quy trình công nghệ cán, kéo kim loại như: quy trình nung phôi, quy trình cán, quy trình kéo;

+ Lập được kế hoạch và thực hiện được việc tổ chức, điều hành, quản lý, kiểm tra và giám sát các cá nhân và các tổ nhóm lao động trên cả dây chuyền sản xuất cán, kéo kim loại;

+ Làm được việc bảo vệ, cải thiện được môi trường lao động, sản xuất, đảm bảo môi trường làm việc đạt chuẩn theo quy định của Nhà nước.

2. Chính trị, đạo đức; Thái chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật và Luật Lao động;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam, định hướng phát triển của ngành Thép Việt Nam, giữ gìn và phát huy truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định nghề đào tạo;

+ Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có thể trực tiếp làm công việc chuẩn bị phôi; nung phôi; vận hành thiết bị cán, kéo, làm nguội và thu hồi sản phẩm trong dây chuyền công nghệ cán, kéo kim loại; có thể làm cán bộ kỹ thuật công nghệ phân xưởng cán, kéo kim loại; tiếp tục học lên bậc học cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ;

(Trong đó thi tốt nghiệp: 200 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2475 giờ; Thời gian học tự chọn: 825 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1169 giờ; Thời gian học thực hành: 2131 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2

MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2475	864	1366	245
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	390	202	150	38
MH 07	Vẽ kỹ thuật	75	45	24	6
MH 08	Cơ kỹ thuật	75	43	25	7
MH 09	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	45	25	15	5
MH 10	Điện kỹ thuật	45	24	16	5
MH 11	Vẽ thiết kế có trợ giúp máy tính (CAD)	60	14	40	6
MH 12	Kim loại học và nhiệt luyện	90	51	30	9
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2085	662	1216	207
MĐ 13	Lý thuyết cán kéo kim loại	90	53	30	7
MH 14	Công nghệ cán kéo kim loại	90	63	20	7
MH 15	Lò nung kim loại	75	38	30	7
MH 16	Thiết bị cán, kéo kim loại	90	54	30	6
MH 17	Lý thuyết biến dạng dẻo kim loại	75	39	30	6
MĐ 18	Điều khiển tự động quá trình cán kéo kim loại	90	45	42	3
MH 19	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	11	15	4
MH 20	Đánh giá tác động môi trường trong nhà máy sản xuất gang thép	45	30	10	5
MĐ 21	Gia công nguội cơ bản	60	14	38	8
MĐ 22	Hàn cắt kim loại cơ bản	60	15	38	7
MĐ 23	Chuẩn bị phôi cán	90	30	49	11
MĐ 24	Vận hành lò nung phôi cán	210	29	168	13
MĐ 25	Điều chỉnh máy cán thanh và cán dây	195	45	132	18
MĐ 26	Vận hành máy cán thanh và cán dây	210	43	137	30
MĐ 27	Tổ chức và quản lý sản xuất	30	19	9	2
MĐ 28	Kéo dây kim loại	150	24	110	16
MĐ 29	Kiểm tra, xử lý và thu hồi sản phẩm	120	22	82	16
MĐ 30	Tính toán thiết kế lỗ hình trục cán	120	30	79	11
MĐ 31	Tính toán chế độ nung	135	28	92	15
MĐ 32	Lập quy trình công nghệ cán, kéo kim loại	120	30	75	15
	Tổng cộng	2925	1084	1566	275

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC:
(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Cán tấm kim loại	210	53	129	28
MĐ 34	Sản xuất ống hàn	150	30	106	14
MĐ 35	Uốn tạo hình	135	30	94	11
MĐ 36	Kéo kim loại màu	135	45	77	13
MĐ 37	Ứng dụng công nghệ khí nén thủy lực	105	28	69	8
MĐ 38	Tính toán thiết kế thiết bị cán, kéo	105	30	64	11
MH 39	Cơ tính kim loại	45	30	12	3
MĐ 40	Nhiệt luyện sản phẩm cán	105	44	53	8
MH 41	Sử dụng và đúc trực cán	90	43	41	6
MH 42	Công nghệ cán nê m ngang	45	28	9	3
MĐ 43	Cán ống không hàn	120	25	85	10
MH 44	Thiết kế xưởng cán, kéo kim loại.	120	25	85	10

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 06 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Công nghệ cán, kéo kim loại đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể lựa chọn 06 môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Cán tấm kim loại	210	53	129	28
MĐ 34	Sản xuất ống hàn	150	30	106	14
MĐ 35	Uốn tạo hình	135	30	94	11
MĐ 36	Kéo kim loại màu	120	43	63	13
MĐ 37	Ứng dụng công nghệ khí nén thủy lực	105	28	69	8
MĐ 38	Tính toán thiết kế thiết bị cán, kéo	105	30	64	11
	Tổng cộng	825	216	539	85

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện):

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Trường có thể bố trí tham quan, thực tập tại một số cơ sở, doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề Công nghệ cán, kéo kim loại;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

- Do điều kiện đầu tư thiết bị thực tập chuyên môn nghề ở các Trường khó có thể đáp ứng nên cần tăng cường các phương pháp và các phương tiện mô phỏng, mô hình trực quan trong quá trình giảng dạy;

- Trong quá trình thực hiện các môn học, mô đun chuyên môn nghề nếu Trường không đủ thiết bị thì cần phải có sự kết hợp với các cơ sở sản xuất có dây chuyền thiết bị Công nghệ cán, kéo kim loại để thực hiện;

- Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại thứ tự mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý.



Phụ lục 3:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ
đào đẳng nghề cho nghề “Nguội sửa chữa máy công cụ”
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐT BXH
ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 3A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Nguội sửa chữa máy công cụ

Mã nghề: 40510206

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 28

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Phân tích được bản vẽ chế tạo cơ khí, bản vẽ lắp các bộ phận máy, bản vẽ sơ sơ đồ động của các loại máy công cụ thông dụng;

+ Hiểu được các quy ước, ký hiệu và dung sai lắp ghép trên bản vẽ, biết tra bảng dung sai theo tiêu chuẩn Việt Nam, hiểu tính chất, công dụng của các loại lắp ghép cơ bản, cấp chính xác và độ trơn nhẵn của bề mặt chi tiết;

+ Biết tính chất, công dụng, ký hiệu của các vật liệu thông dụng trong ngành cơ khí, biết chọn vật liệu chế tạo chi tiết máy đơn giản, phương pháp nhiệt luyện chi tiết máy, dụng cụ đơn giản;

+ Trình bày được kết cấu, nguyên lý truyền động các máy công cụ điển hình;

+ Trình bày được kỹ thuật sửa chữa máy công cụ: Máy tiện, máy khoan.

- Kỹ năng:

+ Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp đơn giản;

+ Sử dụng được các loại trang thiết bị, dụng cụ nghề nguội, dụng cụ đo – kiểm tra thông dụng của nghề;

+ Làm được các công việc nguội cơ bản, và một số công việc hỗ trợ của nghề để phục vụ cho sửa chữa, phục hồi chi tiết máy thông thường đúng yêu cầu kỹ thuật;

- + Chế tạo được dụng cụ nguội đơn giản và dụng cụ phi tiêu chuẩn phục vụ cho công việc sửa chữa;
- + Vận hành đúng kỹ thuật máy Tiện vạn năng, máy Phay;
- + Tháo lắp, điều chỉnh, kiểm tra các mối ghép, cơ cấu, bộ phận máy, tổng thành máy công cụ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
- + Sửa chữa được máy Khoan, Tiện... đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tiết kiệm, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
- + Thực hiện đúng các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;
- + Có khả năng làm việc độc lập, tạo ra việc làm và biết tổ chức làm việc theo nhóm, để hoàn thành tốt nhiệm vụ thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
- + Có nhận thức đúng về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công tác;
- + Có tác phong công nghiệp, có tinh thần kỷ luật lao động cao, yêu ngành yêu nghề, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp;
- + Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- + Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào nghề Nguội sửa chữa máy công cụ, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có sức khoẻ dồi dào, có thể lực cường tráng và sống một cuộc sống vui tươi, lành mạnh;
- + Trang bị một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, về chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam;
- + Thực hiện rèn luyện một số kỹ năng quân sự cần thiết, rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật, góp phần vào thực hiện các mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường.

3. Cơ hội việc làm:

- + Sau khi tốt nghiệp Trung cấp nghề, học sinh làm việc được trong các công ty cơ khí, doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa, lắp ráp máy công cụ với

trách nhiệm là người trực tiếp sản xuất, kỹ thuật viên trong lĩnh vực sửa chữa, lắp ráp máy công cụ;

+ Được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để trở thành giáo viên dạy nghề tại các Trung tâm dạy nghề nếu có nhu cầu;

+ Được học liên thông lên cao đẳng nghề hoặc trình độ cao hơn nếu có nhu cầu học tiếp.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1680 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 596 giờ; Thời gian học thực hành: 1745 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1

MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1680	498	1096	86
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	300	148	136	16
MH 07	Vẽ kỹ thuật	75	30	41	4
MH 08	Dung sai lắp ghép	30	18	10	2
MH 09	Vật liệu	45	21	21	3
MH 10	Cơ kỹ thuật	60	36	21	3
MH 11	Thiết lập bản vẽ kỹ thuật bằng AUTOCAD	45	15	28	2
MH 12	Kỹ thuật điện - điện tử công nghiệp	45	28	15	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1380	350	960	70
MĐ 13	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	9	19	2
M§ 14	Sử dụng dụng cụ đo, kiểm tra	30	8	20	2
MĐ 15	Gia công nguội cơ bản	300	49	242	9
MĐ 16	Tiện cơ bản	60	12	45	3
MĐ 17	Phay cơ bản	60	12	45	3
MH 18	Máy công cụ	60	36	21	3
MH 19	Thủy lực - Khí nén	45	27	15	3
MH 20	Kỹ thuật sửa chữa máy công cụ	75	41	30	4
MĐ 21	Tháo, lắp điều chỉnh môi ghép ren, then, chốt	60	12	45	3
MĐ 22	Tháo, lắp cơ cấu truyền động quay	60	12	44	4
MĐ 23	Tháo, lắp điều chỉnh cơ cấu ly hợp	60	12	44	4
MĐ 24	Tháo, lắp điều chỉnh cơ cấu biến đổi chuyển động	90	20	65	5
MĐ 25	Tháo, lắp, điều chỉnh bộ phận máy công cụ	90	20	65	5
MĐ 26	Sửa chữa chi tiết, cơ cấu máy	150	35	105	10
MĐ 27	Sửa chữa máy Khoan	90	20	65	5
MĐ 28	Sửa chữa máy Tiện	120	25	90	5
Tổng cộng:		1890	604	1183	103

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Hàn cơ bản	60	12	45	3
MĐ 30	Vận hành máy Mài phẳng	60	15	41	4
MĐ 31	Bảo dưỡng máy công cụ	60	10	47	3
MĐ 32	Sửa chữa máy Phay	150	30	114	6
MĐ 33	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng thủy lực	90	20	66	4
MĐ 34	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng khí nén	90	21	65	4
MĐ 35	Điện cơ bản	60	20	37	3
MĐ 36	Vận hành máy công cụ CNC	90	20	66	4
MH 37	Kỹ năng giao tiếp	30	20	8	2
MĐ 38	Thực tập sản xuất	240	0	240	0

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Nguội sửa chữa máy công cụ đã đề xuất 11 môn học, mô đun tự chọn. Tùy theo điều kiện, yêu cầu của từng vùng, miền và thời điểm cụ thể, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tiến hành lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo 1 trong 3 phương án sau đây:

+ Phương án 1: lựa chọn trong 11 môn học, mô đun trong bảng của mục V, để đào tạo với tổng số thời gian học là 660 giờ;

+ Phương án 2: xây dựng các môn học, mô đun tự chọn khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định;

+ Phương án 3: kết hợp cả 2 phương án trên, chọn một số môn học, mô đun trong các môn học, mô đun tự chọn đã đề xuất trong chương trình khung và xây dựng thêm một số môn học, mô đun khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định.

- Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Hàn cơ bản	60	12	45	3
MĐ 30	Vận hành máy Mài phẳng	60	15	41	4
MĐ 31	Bảo dưỡng máy công cụ	60	10	47	3
MĐ 33	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng thủy lực	90	20	66	4
MĐ 34	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng khí nén	90	21	65	4
MĐ 35	Điện cơ bản	60	20	37	3
MĐ 38	Thực tập sản xuất	240	0	240	0
Tổng cộng		660	98	542	21

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề: * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

**Chú ý: Phân thi lý thuyết nghề: là một bài thi lý thuyết tổng hợp kiến thức lý thuyết môn học chuyên môn nghề và lý thuyết môn học kỹ thuật cơ sở.*

Phân thi thực hành nghề: sửa chữa bộ phận máy Tiện, Khoan và sửa pan máy.

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp theo các nội dung sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao: Tổ chức giải việt dã, giải bóng đá mini trong trường Tham gia hội thao tại địa phương	Vào ngày lễ kỷ niệm 26-3 và các ngày lễ lớn trong năm. Do địa phương phát động
2	Văn hoá, văn nghệ: Tổ chức liên hoan văn nghệ Thành lập câu lạc bộ ca hát, khiêu vũ Giao lưu văn hóa, văn nghệ với các trường bạn	Vào lễ kỷ niệm ngày nhà giáo Việt nam 20-11 Sinh hoạt theo định kỳ Do đoàn trường tổ chức
3	Hoạt động thư viện: Tham khảo các tài liệu nâng cao chuyên môn Nâng cao văn hóa đọc, tìm hiểu các tác phẩm văn học nâng cao trí thức xã hội	Tất cả các ngày trong tuần, ngoài giờ lên lớp
4	Các hoạt động đoàn thể: Tổ chức tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội Tổ chức lớp học ngoại khóa kỹ năng sống. Các hoạt động từ thiện, hiến máu nhân đạo.	Đoàn thanh niên lên kế hoạch, kết hợp với phòng quản lý học sinh tổ chức
5	Đi thực tế: Nâng cao hiểu biết về nghề	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường chuyển đổi từ chương trình khung thành chương trình đào tạo nghề, sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý và đào tạo.

Phụ lục 3B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Nguội sửa chữa máy công cụ

Mã nghề: 50510206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Phân tích được bản vẽ chế tạo cơ khí, bản vẽ lắp các bộ phận máy, bản vẽ sơ sơ đồ động của các loại máy công cụ thông dụng;

+ Hiểu được các quy ước, ký hiệu và dung sai lắp ghép trên bản vẽ, biết tra bảng dung sai theo tiêu chuẩn Việt Nam, hiểu tính chất, công dụng của các loại lắp ghép cơ bản, cấp chính xác và độ trơn nhẵn của bề mặt chi tiết;

+ Biết tính chất, công dụng, ký hiệu của các vật liệu thông dụng trong ngành cơ khí, biết chọn vật liệu chế tạo chi tiết máy đơn giản, dụng cụ thường dùng và phương pháp nhiệt luyện chi tiết máy, dụng cụ đơn giản;

+ Trình bày được kết cấu, nguyên lý truyền động các máy công cụ điển hình, máy công cụ CNC;

+ Trình bày được kỹ thuật sửa chữa máy công cụ và tổ chức quản lý công tác sửa chữa máy công cụ;

- Kỹ năng:

+ Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp có tới 20 chi tiết;

+ Thiết kế được một số chi tiết máy ở dạng 3D trên máy tính. Lắp ghép được thành một cụm chi tiết hay bộ phận máy đã vẽ ở dạng 3D;

+ Sử dụng được các loại trang thiết bị, dụng cụ nghề nguội, dụng cụ đo – kiểm tra thông dụng của nghề;

+ Làm thành thạo các công việc nguội cơ bản và một số công việc hỗ trợ của nghề để phục vụ cho sửa chữa, phục hồi chi tiết máy thông thường, đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Chế tạo được dụng cụ nguội đơn giản và dụng cụ phi tiêu chuẩn phục vụ cho công việc sửa chữa;

+ Vận hành đúng kỹ thuật máy tiện vạn năng, máy phay, máy công cụ CNC;

- + Tháo lắp, điều chỉnh, kiểm tra các mối ghép, cơ cấu, bộ phận máy, tổng thành máy công cụ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
- + Sửa chữa được máy công cụ đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tiết kiệm, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
- + Sửa chữa được các bộ phận cơ bản trong các máy công cụ điều khiển bằng hệ thống thủy lực và khí nén;
- + Lập được kế hoạch bảo dưỡng và thực hiện được các công việc bảo dưỡng máy công cụ và máy công cụ CNC;
- + Có kỹ năng giao tiếp tốt vào các tình huống hàng ngày và trong hoạt động nghề nghiệp sau này;
- + Thực hiện đúng các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;
- + Có khả năng làm việc độc lập, tạo ra việc làm và biết tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng tự học tập, nghiên cứu, hoặc học lên trình độ cao hơn để hoàn thành tốt nhiệm vụ thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có nhận thức đúng về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng Chủ nghĩa xã hội;
- + Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm cao trong công tác;
- + Có tác phong công nghiệp, có tinh thần kỷ luật lao động cao, yêu ngành yêu nghề, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp;
- + Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- + Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào nghề sửa chữa máy công cụ, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;
- + Nắm được phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc;
- + Có thể tham gia vào đội ngũ sỹ quan dự bị theo Luật quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng nghề, sinh viên làm việc được trong các công ty cơ khí, doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa, lắp ráp máy, các khu công nghiệp với trách nhiệm là người trực tiếp sản xuất, kỹ thuật viên hoặc tổ trưởng sản xuất trong lĩnh vực sửa chữa, lắp ráp công cụ, thiết bị công nghiệp;

- Được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để trở thành giáo viên dạy nghề tại các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề hoặc Trung tâm dạy nghề;

- Được học liên thông lên trình độ cao hơn nếu có nhu cầu học tập.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 200 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 927 giờ; Thời gian học thực hành: 2373 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	2310	744	1459	107
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	300	148	136	16
MH 07	Vẽ kỹ thuật	75	30	41	4

MH 08	Dung sai lắp ghép	30	18	10	2
MH 09	Vật liệu	45	21	21	3
MH 10	Cơ kỹ thuật	60	36	21	3
MH 11	Thiết lập bản vẽ kỹ thuật bằng AUTOCAD	45	15	28	2
MH 12	Kỹ thuật điện - điện tử công nghiệp	45	28	15	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2010	596	1323	91
MĐ 13	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	9	15	2
M§ 14	Sử dụng dụng cụ đo, kiểm tra	30	8	20	2
MĐ 15	Gia công nguội cơ bản	300	49	242	9
MĐ 16	Tiện cơ bản	60	12	45	3
MĐ 17	Phay cơ bản	60	12	45	3
MH 18	Máy công cụ	60	36	21	3
MH 19	Thủy lực - Khí nén	45	27	15	3
MH 20	Công nghệ sửa chữa máy công cụ	75	41	30	4
MĐ 21	Tháo, lắp điều chỉnh mối ghép ren, then, chốt	60	12	45	3
MĐ 22	Tháo, lắp, điều chỉnh cơ cấu truyền động quay	60	12	45	3
MĐ 23	Tháo, lắp điều chỉnh cơ cấu biến đổi chuyển động	90	20	65	5
MĐ 24	Tháo, lắp điều chỉnh cơ cấu ly hợp	60	12	45	3
MĐ 25	Tháo, lắp, điều chỉnh bộ phận máy công cụ	90	20	65	5
MĐ 26	Sửa chữa chi tiết, cơ cấu máy	150	35	105	10
MĐ 27	Sửa chữa máy Khoan	90	20	65	5
MĐ 28	Sửa chữa máy Tiện	120	25	90	5
MH 29	Nguyên lý chi tiết máy	60	33	24	3
MH 30	Công nghệ chế tạo - Đồ gá	60	33	24	3
MĐ 31	Bảo dưỡng máy công cụ	60	10	47	3
MĐ 32	Sửa chữa máy Phay	150	30	113	6
MĐ 33	Sửa chữa các bộ phận chính của hệ thống thủy lực	180	36	136	8
MH 34	Tổ chức và quản lý sản xuất	30	20	8	2
MH 35	Kỹ năng giao tiếp	30	20	8	2
Tổng cộng		2760	964	1658	138

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:
(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Vận hành máy mài phẳng	60	15	41	4
MĐ 37	Hàn cơ bản	60	12	45	3
MĐ 38	Trang bị điện	90	25	62	3
MH 39	Máy công cụ CNC	60	30	27	3
MĐ 40	Vận hành máy Công cụ CNC	90	20	66	4
MĐ 41	Vẽ và thiết kế trên máy vi tính	60	25	30	5
MĐ 42	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng thủy lực	90	20	66	4
MĐ 43	Sửa chữa các bộ phận chính của hệ thống khí nén	120	36	90	4
MĐ 44	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng khí nén	90	21	69	0
MĐ 45	Sửa chữa mặt trượt	180	48	132	0
MH 46	Sức bền vật liệu	45	30	12	3
MĐ 47	Bảo dưỡng máy công cụ CNC	90	30	56	4
MĐ 48	Bồi dưỡng thợ bậc thấp	90	36	54	0
MĐ 49	Thực tập sản xuất	360	0	360	0

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 06 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Nguội sửa chữa máy công cụ đã đề xuất 14 môn học, mô đun tự chọn. Tùy theo điều kiện, yêu cầu của từng vùng, miền và thời điểm cụ thể, các Trường có thể tiến hành lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo 1 trong 3 phương án sau đây:

+ Phương án 1: lựa chọn trong 14 môn học, mô đun trong bảng của mục V, để đào tạo với tổng số thời gian học là 990 giờ;

+ Phương án 2: xây dựng các môn học, mô đun tự chọn khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định;

+ Phương án 3: kết hợp cả 2 phương án trên, chọn một số môn học, mô đun trong các môn học, mô đun tự chọn đã đề xuất trong chương trình khung và xây dựng thêm một số môn học, mô đun khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định.

- Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo(giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Vận hành máy mài phẳng	60	15	41	4
MĐ 37	Hàn cơ bản	60	12	45	3
MĐ 38	Trang bị điện	90	25	62	3
MH 39	Máy công cụ CNC	60	30	27	3
MĐ 40	Vận hành máy công cụ CNC	90	20	66	4
MĐ 41	Vẽ và thiết kế trên máy vi tính	60	25	30	5
MĐ 42	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực bằng thủy lực	90	20	66	4
MĐ 43	Sửa chữa các bộ phận chính của hệ thống khí nén	120	36	90	4
MĐ 49	Thực tập sản xuất	360	0	360	0
Tổng cộng		990	183	777	30

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút

2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ
---	---	--	---

* *Chú ý: Phân thi lý thuyết nghề là một bài thi lý thuyết tổng hợp kiến thức lý thuyết môn học chuyên môn nghề và lý thuyết môn học kỹ thuật cơ sở.*

Phân thi thực hành nghề: sửa chữa bộ phận máy Khoan, Tiện, Phay và sửa pan máy công cụ.

3. *Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:*

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;


- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp theo các nội dung sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao: Tổ chức giải việt dã, giải bóng đá mini trong trường Tham gia hội thao tại địa phương	Vào ngày lễ kỷ niệm 26-3 và các ngày lễ lớn trong năm Do địa phương phát động
2	Văn hoá, văn nghệ: Tổ chức liên hoan văn nghệ; Thành lập câu lạc bộ ca hát, khiêu vũ Giao lưu văn hóa, văn nghệ với các trường bạn	Vào lễ kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 Sinh hoạt theo định kỳ Do đoàn trường tổ chức
3	Hoạt động thư viện: Tham khảo các tài liệu nâng cao chuyên môn Nâng cao văn hóa đọc, tìm hiểu các tác	Tất cả các ngày trong tuần, ngoài giờ lên lớp

	phẩm văn học nâng cao trí thức xã hội	
4	Các hoạt động đoàn thể: Tổ chức tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội Tổ chức lớp học ngoại khóa kỹ năng sống. Các hoạt động từ thiện, hiến máu nhân đạo	Đoàn thanh niên lên kế hoạch, kết hợp với phòng quản lý học sinh tổ chức
5	Đi thực tế: Nâng cao hiểu biết về nghề	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường chuyển đổi từ chương trình khung thành chương trình đào tạo nghề, sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý và đào tạo. 



Phụ lục 4:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Chế tạo thiết bị cơ khí”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐTBXH ngày 7 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 4A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Chế tạo thiết bị cơ khí

Mã nghề: 40510208

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Phân tích được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;
- + Giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 – 2245;
- + Trình bày được sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số cơ cấu truyền động cơ khí thông thường;
- + Mô tả được quá trình biến dạng của kim loại khi có ngoại lực tác dụng;
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề;
- + Giải thích được ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác phòng chống tai nạn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, sơ cứu thương nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và cho sản xuất và các biện pháp nhằm giảm cường độ lao động, tăng năng suất;
- + Có khả năng tiếp tục học tập lên cao.

- Kỹ năng:

- + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công;
- + Đọc được bản vẽ chi tiết của thiết bị và kết cấu thép;
- + Tính toán, khai triển được một số chi tiết đơn giản, không phức tạp của nghề;

- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- + Sử dụng thành thạo và bảo quản được các thiết bị, dụng cụ cầm tay của nghề;
- + Triển khai được kích thước trên thép tấm và thép hình;
- + Thao tác nắn, cắt, uốn gập, khoan lỗ, tán đinh, lắp ghép tạo ra các sản phẩm với yêu cầu kỹ thuật trung bình ở dạng: ống, khung, bình, bồn, bun ke - si lô, thiết bị lọc bụi, cho các công trình công nghiệp và dân dụng;
- + Thực hiện được một số công việc trong tổ hợp lắp ghép, đóng gói, bàn giao sản phẩm dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật;
- + Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của thiết bị, dụng cụ của nghề;
- + Lựa chọn được một số vật tư, thiết bị phù hợp với yêu cầu chế tạo theo tổ, nhóm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;
- + Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;
- + Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử tốt, giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ một cách hợp lý;
- + Có tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao;
- + Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động và an toàn lao động;
- + Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;
- + Nắm được phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

- + Trực tiếp gia công trên các máy công cụ phổ biến, thông dụng của nghề và máy phay CNC;

- + Cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy, công ty có liên quan đến ngành cơ khí;
- + Tổ trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- + Có khả năng tự tạo việc làm;
- + Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 270 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1638 giờ; Thời gian học tự chọn: 702 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 721 giờ; Thời gian học thực hành: 1619 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1638	541	1029	68
II.1	Các môn học, mô đun, kỹ thuật cơ sở	240	200	26	14
MH 07	Vẽ kỹ thuật	90	69	15	6
MH 08	Dung sai và lắp ghép	30	26	2	2
MH 09	Cơ kỹ thuật	45	40	3	2
MH 10	Vật liệu cơ khí	45	41	2	2
MH 11	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	24	4	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1398	341	1003	54
MĐ 12	Nguội cơ bản	90	14	73	3
MĐ 13	Hàn điện cơ bản	120	25	90	5
MĐ 14	Hàn cắt khí cơ bản	88	20	63	5
MĐ 15	Lắp mạch điện đơn giản	60	20	36	4
MĐ 16	Nâng chuyên thiết bị	90	25	62	3
MĐ 17	Sử dụng dụng cụ thiết bị chế tạo thiết bị cơ khí	90	30	56	4
MĐ 18	Đo kiểm tra kích thước thiết bị cơ khí	40	12	26	2
MĐ 19	Chống gỉ kết cấu thiết bị cơ khí	120	30	86	4
MĐ 20	Chế tạo băng tải	120	30	85	5
MĐ 21	Chế tạo lan can cầu thang	120	30	86	4
MĐ 22	Chế tạo khung nhà công nghiệp	120	30	85	5
MĐ 23	Chế tạo bun ke – silô	120	30	85	5
MĐ 24	Cắt kim loại tấm bằng ôxy- khí chảy, hồ quang Plasma trên máy cắt CNC	120	45	70	5
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	100	0	100	0
	Tổng cộng	1848	647	1116	85

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. *Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:*

1.1. *Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian:*

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Chế tạo thiết bị lọc bụi- Siclon	180	45	130	5
MĐ 27	Chế tạo quạt thông gió	150	60	85	5
MĐ 28	Chế tạo vỏ lò quay	150	60	85	5
MĐ 29	Chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện	180	45	130	5
MĐ 30	Chế tạo trên máy CNC	120	45	70	5
MĐ 31	Chế tạo thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm – siclon	120	30	85	5
MĐ 32	Chế tạo hệ thống thông gió	120	30	86	4
MĐ 33	Chế tạo bồn bể - si téc	120	30	86	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Chế tạo thiết bị cơ khí đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Chế tạo thiết bị lọc bụi - Sicolon	172	45	122	5
MĐ 27	Chế tạo quạt thông gió	120	30	85	5
MĐ 28	Chế tạo vỏ lò quay	120	30	85	5
MĐ 29	Chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện	170	45	120	5
MĐ 31	Chế tạo thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm - syclon	120	30	85	5
Tổng cộng		702	180	497	25

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
2	Văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề:	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp giữa lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:


- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp liên quan đến nghề;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp. Nội dung cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ ÷ 6 giờ; 17 giờ ÷ 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ ÷ 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 01 lần

4. Các chú ý khác:

Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý đào tạo. / 

Phụ lục 4B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Chế tạo thiết bị cơ khí

Mã nghề: 50510208

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Phân tích được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;
- + Giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 – 2245;
- + Trình bày được sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cơ cấu truyền động cơ khí thông dụng và hiện đại;
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề;
- + Mô tả được quá trình biến dạng của kim loại khi có ngoại lực tác dụng;
- + Biết được phương pháp tính toán sức bền vật liệu, dung sai các kết cấu trên bản vẽ phức tạp;
- + Biết được phương pháp tính toán, khai triển, xếp hình pha cắt kim loại, tiết kiệm vật liệu;
- + Phân biệt được hệ trục tọa độ trên máy CNC;
- + Giải thích được ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác phòng chống tai nạn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, sơ cứu thương nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và cho sản xuất và các biện pháp nhằm giảm cường độ lao động, tăng năng suất.

- Kỹ năng:

- + Lựa chọn được các loại vật tư, thiết bị phù hợp với yêu cầu chế tạo;
- + Tính toán sức bền vật liệu, dung sai các kết cấu trên bản vẽ phức tạp;
- + Đọc được bản vẽ thi công, bản vẽ tách, lắp ghép và các tài liệu liên quan;
- + Tính toán, khai triển, xếp hình pha cắt kim loại, tiết kiệm vật liệu được một số chi tiết đơn giản, không phức tạp của nghề;
- + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;

- + Sử dụng thành thạo và bảo quản các thiết bị, dụng cụ cầm tay của nghề;
- + Triển khai kích thước, phóng dạng chính xác trên thép tấm và thép hình;
- + Thao tác nắn, cắt, uốn gập, khoan lỗ, tán đinh, lắp ghép tạo ra các sản phẩm với yêu cầu kỹ thuật cao ở dạng: Ống, khung, bình, bồn, bun ke - si lô, thiết bị lọc bụi, cho các công trình công nghiệp và dân dụng;
- + Thực hiện được một số công việc trong tổ hợp lắp ghép, đóng gói, bàn giao sản phẩm dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật;
- + Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của thiết bị, dụng cụ của nghề;
- + Lập được chương trình trên máy CNC đảm bảo yêu cầu;
- + Chế tạo được các loại chi tiết cơ khí thông dụng ứng dụng trong sửa chữa và thay thế của nghề.

2. Chính trị, đạo đức; Thề chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp của địa phương, khu vực, vùng, miền;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỷ mỉ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hoặc công ty kinh doanh về lĩnh vực điện;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp - Pháp luật;

+ Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;

+ Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

+ Có tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

+ Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động và an toàn lao động;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thề chất, quốc phòng:

- + Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các xí nghiệp công nghiệp;
- + Sức khỏe đạt loại I hoặc loại II theo phân loại của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm:

- + Cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy, công ty có liên quan đến ngành cơ khí;
- + Tổ trưởng sản xuất;
- + Quản đốc phân xưởng trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- + Có khả năng tự tạo việc làm;
- + Tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 03 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1018 giờ; Thời gian học thực hành: 2282 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30

MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2310	823	1390	97
II.1	Các môn học, mô đun, kỹ thuật cơ sở	525	429	63	33
MH 07	Toán cao cấp	60	41	16	3
MH 08	Vật lý đại cương	45	33	9	3
MH 09	Hình học hoạ hình	45	34	7	4
MH 10	Vẽ kỹ thuật	90	70	16	4
MH 11	Dung sai và lắp ghép	45	38	3	4
MH 12	Cơ lý thuyết	45	40	3	2
MH 13	Sức bền vật liệu	30	24	3	3
MH 14	Vật liệu cơ khí	60	55	2	3
MH 15	Công nghệ gia công kim loại	45	42	0	3
MH 16	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	24	4	2
MH 17	Quản lý doanh nghiệp và tổ chức sản xuất	30	28	0	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1785	394	1327	64
MĐ 18	Nguội cơ bản	90	14	72	4
MĐ 19	Đồ gá	90	15	70	5
MĐ 20	Hàn điện cơ bản	120	25	90	5
MĐ 21	Hàn cắt khí cơ bản	90	20	67	3
MĐ 22	Lắp mạch điện đơn giản	60	20	37	3
MĐ 23	Nâng chuyên thiết bị	90	25	62	3
MĐ 24	Sử dụng dụng cụ thiết bị nghề Chế tạo thiết bị cơ khí	90	20	67	3
MĐ 25	Đo kiểm tra kích thước thiết bị cơ khí	90	30	55	5
MĐ 26	Chống gỉ kết cấu thiết bị cơ khí	120	30	86	4
MĐ 27	Chế tạo băng tải	120	30	85	5
MĐ 28	Chế tạo khung nhà công nghiệp	120	30	85	5
MĐ 29	Chế tạo bun ke – silô	120	30	85	5
MĐ 30	Chế tạo thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm – cyclon	120	30	85	5
MĐ 31	Cắt kim loại tấm bằng oxy - khí cháy, hồ quang Plasma trên máy cắt CNC	120	45	70	5
MĐ 32	Chế tạo lan can cầu thang	105	30	71	4
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	240	0	240	0
Tổng cộng		2760	1043	1590	127

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo(giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Chế tạo hệ thống thông gió	220	30	186	4
MĐ 35	Chế tạo bồn bể - Tec	220	30	185	5
MĐ 36	Chế tạo trên máy CNC	240	45	189	6
MĐ 37	Chế tạo vỏ lò quay	160	30	125	5
MĐ 38	Chế tạo quạt thông gió	120	30	85	5
MĐ 39	Chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện	160	30	125	5
MĐ 40	Chế tạo cột điện cao thế ≥ 35 kv	160	30	125	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Chế tạo thiết bị cơ khí đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Chế tạo hệ thống thông gió	220	30	186	4
MĐ 35	Chế tạo bồn bể - Tec	220	30	185	5
MĐ 36	Chế tạo trên máy CNC	200	45	149	6
MĐ 37	Chế tạo vỏ lò quay	120	30	85	5
MĐ 38	Chế tạo quạt thông gió	120	30	85	5
MĐ 39	Chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện	110	30	75	5
	Tổng cộng:	990	195	765	30

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
		Trắc nghiệm	Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp liên quan đến nghề;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp;

- Nội dung cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ ÷ 6 giờ; 17 giờ ÷ 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ ÷ 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 01 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường chuyển đổi từ chương trình khung thành chương trình đào tạo nghề, sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý và đào tạo. /me/



Phụ lục 5:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề

"Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐT BXH

ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 5A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp

Mã nghề: 40510316

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 27

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Mô tả được cấu tạo, nêu được nguyên lý hoạt động của các thiết bị trong hệ thống cung cấp, và điều khiển tự động trong công nghiệp;
- + Biết thiết kế được các hệ thống điện đơn giản trong dân dụng;
- + Biết được phương pháp đọc các bản vẽ tách thi công;
- + Hiểu được các ký hiệu trên bản vẽ điện cơ bản;
- + Hiểu được các nguyên lý, cấu tạo và vận hành thiết bị về điện;
- + Hiểu được quy trình điện áp dụng vào thực tế trong sản xuất;
- + Hiểu rõ các biện pháp an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi bị tai nạn xảy ra;
- + Trình bày và giải thích được quy trình điện, chọn được vật liệu điện, áp dụng vào thực tế của sản xuất;
- + Hiểu được nội dung thiết lập một quy trình điện;
- + Hiểu được các ký hiệu về điện, trình độ Anh văn chuyên ngành;
- + Hiểu được các tình huống kỹ thuật trong thực tế thi công;
- + Đảm bảo yêu cầu về quan sát, ghi chép, lập các biên bản;

+ Hiểu được, phân tích, tổng hợp, đánh giá tiến độ thi công, ứng xử, giao tiếp;...

+ Hiểu được ký hiệu về điện, phương pháp về điện từ Anh ngữ.

- Kỹ năng:

+ Đọc và hiểu được các bản vẽ tách thi công;

+ Lựa chọn được, phân biệt được các loại vật liệu điện;

+ Đọc được một số ký hiệu cơ bản đơn giản về điện, phương pháp về điện từ bằng tiếng Anh;

+ Lắp đặt được các thiết bị, hệ thống cung cấp điện công nghiệp. Sửa chữa được các sự cố đơn giản;

+ Sử dụng được các dụng cụ cầm tay trong nghề lắp đặt và thiết bị;

+ Lựa chọn đầy đủ dụng cụ, thiết bị phù hợp với công việc cần làm;

+ Xử lý được các tình huống kỹ thuật đơn giản;

+ Sửa chữa được các thiết bị sai hỏng, biết nguyên nhân và biện pháp khắc phục hay đề phòng;

+ Đấu nối thiết bị điện một cách thành thạo;

+ Vận hành, điều chỉnh được chế độ của thiết bị điện;

2. *Chính trị đạo đức; Thể chất và quốc phòng:*

- Chính trị, đạo đức:

+ Có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Có ý thức về truyền thống dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình thực hiện thao tác phân tích;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và phát triển đất nước, hiến pháp và pháp luật, yêu nghề, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong làm việc, luôn vươn lên và tự hoàn thiện;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề chuyên môn hợp lý.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có sức khỏe, có ý thức với cộng đồng và xã hội;

+ Nắm được những kiến thức cơ bản và thực hiện được các kỹ năng quân sự phổ thông, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc;

+ Ứng dụng được kỹ thuật, công nghệ có hiệu quả vào sản xuất thi công trong nền kinh tế quốc dân và quốc phòng.

3. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp có thể làm công nhân điện tại các Công ty, Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Trách nhiệm hữu hạn;

- Học liên thông lên cao đẳng, đại học;

- Công tác trong nước hoặc đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2030 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1820 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1330 giờ; Thời gian học tự chọn: 490 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 544 giờ; Thời gian học thực hành: 1276 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1330	425	805	100
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	255	210	28	17
MH 07	Vẽ kỹ thuật	75	56	14	5
MH 08	Vật liệu điện	45	40	2	3
MH 09	Kỹ thuật điện	90	76	8	6
MH 10	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	45	38	4	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1075	215	777	83
MH 11	Cung cấp điện	45	40	2	3
MH 12	Điện tử công nghiệp	75	45	26	4
MĐ 13	Nâng chuyên thiết bị	60	10	40	10
MĐ 14	Đo lường thí nghiệm điện	90	20	59	11
MĐ 15	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng	130	25	94	11
MĐ 16	Lắp đặt đường dây truyền tải	115	15	88	12
MĐ 17	Lắp đặt hệ thống thiết bị điều khiển công nghiệp	165	15	140	10
MĐ 18	Lắp đặt thiết bị phân phối	125	20	95	10
MĐ 19	Vận hành các trạm biến áp	50	10	38	2
MĐ 20	Lắp đặt hệ thống chống sét, tiếp địa	100	10	85	5
MĐ 21	Thực tập sản xuất	120	5	110	5
Tổng cộng		1540	531	892	117

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Lắp đặt điện thang máy	180	20	155	5
MĐ 23	Lắp đặt hệ thống tự động cảnh báo	75	15	55	5
MĐ 24	Lắp đặt hệ thống thiết bị điều khiển tự động	145	45	92	8
MĐ 25	Lắp đặt điện cho lọc bụi tĩnh điện	150	13	132	5
MĐ 26	Điều chỉnh tốc độ máy điện	100	15	80	5
MĐ 27	Lắp đặt nguồn điện một chiều	100	10	82	8
MĐ 28	Lắp đặt máy phát điện	150	15	130	5
MĐ 29	Lắp đặt động cơ cao áp	100	10	85	5
MĐ 30	Sửa chữa và bảo dưỡng máy điện	230	30	190	10
MH 31	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	22	5	3
MH 32	Anh văn chuyên ngành	30	16	10	4
MĐ 33	Nguội	80	15	57	8
MĐ 34	Đọc bản vẽ	30	8	20	2
MĐ 35	Máy Điện	90	28	58	4
MĐ 36	Kỹ thuật số	45	39	3	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên mô học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Sửa chữa và bảo dưỡng máy điện	230	30	200	0
MH 31	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	22	5	3
MH 32	Anh văn chuyên ngành	30	16	10	4
MĐ 33	Nguội	80	15	57	8
MĐ 34	Đọc bản vẽ	30	8	20	2
MĐ 35	Máy Điện	90	28	58	4
Tổng cộng		490	119	350	21

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 6 giờ

* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)	Bài thi tích hợp giữa lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ
---	--	------------------

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp liên quan đến nghề;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ ÷ 6 giờ; 17 giờ ÷ 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ : Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ ÷ 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 01 lần

4. Các chú ý khác:

- Các tiêu chuẩn lắp đặt trong tiêu chuẩn kỹ năng nghề kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp được soạn thảo theo tiêu chuẩn thiết kế (với những máy, thiết bị có tiêu chuẩn cụ thể) hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế IEC: Sai số lắp đặt thiết bị và quy phạm kỹ thuật trong lắp đặt và sử dụng máy và thiết bị nâng: TCVN 4244-86;

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý. *mu*

Phụ lục 5B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp

Mã nghề: 50510316

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Hiểu được cấu tạo, phân tích được nguyên lý làm việc của các thiết bị điện trong hệ thống cung cấp, trang bị điện và điều khiển tự động trong công nghiệp;

+ Nêu được công dụng của các loại vật liệu, lựa chọn thiết bị điện phù hợp với yêu cầu sử dụng;

+ Giải thích được các vật tư thiết bị về ngành điện;

+ Trình bày được phạm vi ứng dụng của các phương pháp đấu nối;

+ Hiểu được nguyên lý, cấu tạo và vận hành thiết bị về điện;

+ Hiểu được quy trình đấu nối áp dụng vào thực tế của sản xuất;

+ Trình bày được nguyên lý cấu tạo, vận hành được các trang thiết bị điện;

+ Tính toán được và thiết kế cho hợp lý;

+ Trình bày được các sai hỏng của các thiết bị trong ngành điện, nguyên nhân và biện pháp đề phòng;

+ Trình bày được các ký hiệu về điện, phương pháp vẽ điện trên các bản vẽ kỹ thuật;

+ Trình bày và giải thích được quy trình đấu nối, áp dụng vào thực tế của sản xuất;

+ Phân tích được quy trình đo lường và kiểm tra theo tiêu chuẩn Quốc tế;

+ Giải thích được các ký hiệu vật liệu điện, vật liệu cơ bản;

+ Biết các biện pháp an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi bị tai nạn xảy ra;

+ Trình bày và giải thích được quy trình điện, chọn được vật liệu điện, áp dụng vào thực tế của sản xuất;

+ Hiểu được nội dung thiết lập một quy trình điện;

- + Xử lý được các tình huống kỹ thuật trong thực tế thi công;
 - + Quan sát, ghi chép, lập các biên bản;
 - + Biết phân tích, tổng hợp, đánh giá tiến độ thi công, ứng xử, giao tiếp;
 - + Giải thích được ký hiệu về điện, phương pháp về điện từ Anh ngữ.
- *Kỹ năng:*
- + Đọc được, hiểu được quy trình đấu nối áp dụng vào thực tế của sản xuất;
 - + Cài đặt được chế độ tự động và bằng tay trên các dây chuyền sản xuất;
 - + Đọc được các ký hiệu về điện, trình độ Anh văn chuyên ngành;
 - + Lắp đặt, sửa chữa thành thạo các thiết bị, hệ thống cung cấp điện công nghiệp;
 - + Vận hành được hệ thống điện;
 - + Lắp đặt và lập trình được các mạch điện đơn giản;
 - + Sử dụng thành thạo các dụng cụ trong nghề lắp đặt;
 - + Lựa chọn đầy đủ dụng cụ, thiết bị phù hợp với công việc cần làm;
 - + Có khả năng chỉ đạo tổ, nhóm làm việc. Tổ chức và quản lý được quá trình sản xuất thi công;
 - + Thiết kế được hệ thống điện trong dân dụng và công nghiệp;
 - + Đọc và bóc tách các bản vẽ thi công;
 - + Xử lý được các tình huống kỹ thuật tương đối phức tạp;
 - + Gá lắp được các thiết bị theo các vị trí khác nhau theo yêu cầu kỹ thuật;
 - + Vận hành, điều chỉnh được chế độ trong sản xuất;
 - + Đấu nối thiết bị về điện một cách thành thạo;
 - + Đấu nối được các thiết bị điện căn bản, nâng cao đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
 - + Khắc phục được các thiết bị điện bị sai hỏng, biết nguyên nhân và biện pháp khắc phục hay đề phòng;
 - + Có khả năng làm việc theo nhóm, độc lập;
 - + Xử lý được các tình huống kỹ thuật trong thực tế thi công;
 - + Biết bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ và phòng chống cháy nổ của nghề điện;
 - + Quản lý, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công việc của cá nhân, tổ, nhóm lao động;
 - + Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

2. Chính trị đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng được những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Có kiến thức về truyền thống dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình thực hiện công việc;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và phát triển đất nước, Hiến pháp và Pháp luật; yêu nghề, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong làm việc, luôn vươn lên và tự hoàn thiện.

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề chuyên môn hợp lý.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định nghề đào tạo.

+ Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp có thể xin việc làm công nhân điện tại các Công ty, Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty TNHH làm nghề điện;

- Có thể làm tổ trưởng, trưởng nhóm;

- Học liên thông lên đại học;

- Công tác trong nước hoặc đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3743 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ;
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3293 giờ;
- + Thời gian học bắt buộc: 2388 giờ; Thời gian học tự chọn: 905 giờ;
- + Thời gian học lý thuyết: 1014 giờ; Thời gian học thực hành: 2279 giờ;

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	450	180	243	27
MH 01	Chính trị	90	73	12	5
MH 02	Pháp luật	30	27	1	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	5	50	5
MH 04	Giáo dục quốc phòng- An ninh	75	15	55	5
MH 05	Tin học	75	15	55	5
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	45	70	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2388	770	1436	182
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	450	355	61	34
MH 07	Toán ứng dụng	60	45	11	4
MH 08	Vật lý ứng dụng	45	35	7	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	75	54	15	6
MH 10	Vẽ điện	30	12	14	4
MH 11	Vật liệu điện	45	40	2	3
MH 12	Lý thuyết mạch	120	104	8	8
MH 13	Quản lý doanh nghiệp và tổ chức sản xuất	30	28	0	2
MH 14	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	45	37	4	4
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	1938	415	1375	148
MH 15	Cung cấp điện	60	47	9	4
MH 16	Trang bị điện	45	34	8	3
MH 17	Điện tử công nghiệp	75	41	27	7
MĐ 18	Nâng chuyển thiết bị	60	10	40	10

MĐ 19	Đo lường thí nghiệm điện	90	20	59	11
MĐ 20	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng	195	30	137	28
MĐ 21	Lắp đặt đường dây truyền tải	210	30	160	20
MĐ 22	Lắp đặt hệ thống thiết bị điều khiển công nghiệp	285	30	245	10
MĐ 23	Lắp đặt thiết bị phân phối	222	45	157	20
MĐ 24	Vận hành các trạm biến áp	75	15	55	5
MĐ 25	Lắp đặt hệ thống chống sét, tiếp địa	186	18	158	10
MĐ 26	Lắp đặt hệ thống thiết bị điều khiển tự động	315	90	210	15
MĐ 27	Thực tập sản xuất	120	5	110	5
Tổng cộng		2838	950	1679	209

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Trong đó	
				Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Lắp đặt điện thang máy	235	25	194	16
MĐ 29	Lắp đặt điện cho lọc bụi tĩnh điện	198	18	165	15
MĐ 30	Điều chỉnh tốc độ máy điện	140	20	104	16
MĐ 31	Lắp đặt nguồn điện một chiều	168	15	140	13
MĐ 32	Lắp đặt máy phát điện	200	15	170	15
MĐ 33	Lắp đặt động cơ cao áp	207	15	180	12
MĐ 34	Sửa chữa và bảo dưỡng máy điện	340	40	286	14
MĐ 35	Lắp đặt hệ thống tự động cảnh báo	240	30	198	12
MH 36	Quản lý chất lượng ISO	30	22	5	3
MĐ 37	Máy điện	90	28	58	4
MĐ 38	Kỹ thuật số	45	39	3	3
MĐ 39	Lắp đặt cảm biến công nghiệp	170	30	133	7
MH 40	Anh văn chuyên ngành	60	7	48	6
MĐ 41	Đọc bản vẽ theo tiêu chuẩn quốc tế	60	20	37	3
MĐ 42	Nguội cơ bản	80	15	57	8
MH 43	Hình học họa hình	30	24	3	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 35	Sửa chữa và bảo dưỡng máy điện	340	40	286	14
MH 36	Quản lý chất lượng ISO	30	22	5	3
MĐ 37	Máy điện	90	28	58	4
MĐ 38	Kỹ thuật số	45	39	3	3
MĐ 39	Lắp đặt cảm biến công nghiệp	170	30	133	7
MH 40	Anh văn chuyên ngành	60	26	30	4
MĐ 41	Đọc bản vẽ theo tiêu chuẩn quốc tế	60	20	37	3
MĐ 42	Nguội cơ bản	80	15	57	8

MH 43	Hình học họa hình	30	24	3	3
	Tổng cộng	905	244	612	49

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề:	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 6 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)	Bài thi tích hợp giữa lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp liên quan đến nghề;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài Thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

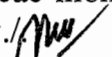
Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5giờ ÷ 6 giờ; 17 giờ ÷ 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ ÷ 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể	Vào tất cả các ngày làm việc trong

	Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 01 lần

4. Các chú ý khác:

- Các tiêu chuẩn lắp đặt trong tiêu chuẩn kỹ năng nghề kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp được soạn thảo theo tiêu chuẩn thiết kế (với những máy, thiết bị có tiêu chuẩn cụ thể) hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế IEC: Sai số lắp đặt thiết bị và quy phạm kỹ thuật trong lắp đặt và sử dụng máy và thiết bị nâng: TCVN4244-86;

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ trung cấp nghề lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ trung cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo cao đẳng nghề;

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý. 



Phụ lục 6:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ đào tạo nghề cho nghề "Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ"
(Bản hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐT BXH ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 6A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ

Mã nghề: 40510212

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của thiết bị và dụng cụ thi công lắp ống cơ bản;

+ Nêu được các phương pháp lựa chọn ống, phụ kiện, thiết bị, vật tư phù hợp với yêu cầu gia công phụ kiện ống, cụm ống.

+ Trình bày được phương pháp lắp đặt tuyến ống công nghệ;

+ Đọc các bản vẽ thi công tuyến ống công nghệ và các tài liệu liên quan;

+ Tính toán, khai triển được các chi tiết ống hình trụ, côn và các chi tiết giá đỡ ống đơn giản.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các loại thiết bị, máy thi công lắp đặt ống; dụng cụ và thiết bị nâng chuyển thông thường;

+ Sử dụng thành thạo và bảo quản được các thiết bị, dụng cụ đo kiểm, dụng cụ tháo lắp, dụng cụ căn chỉnh;

+ Phân tích được các bản vẽ ống công nghệ không phức tạp;

+ Chọn lựa đúng vật tư và phụ kiện đường ống;

+ Gia công được các phụ kiện đường ống và giá đỡ ống đơn giản;

+ Lắp đặt được cụm ống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

+ Làm được các công việc thử áp, thông thổi và làm sạch đường ống đúng tiêu chuẩn;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Ứng dụng được kỹ thuật, công nghệ vào công việc lắp đặt ống và xử lý các tình huống kỹ thuật đơn giản trong thực tế thi công lắp đặt ống.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Có ý thức về truyền thống dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình thực hiện thao tác phân tích

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và phát triển đất nước, hiến pháp và pháp luật, yêu nghề, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong làm việc, luôn vươn lên và tự hoàn thiện;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề chuyên môn hợp lý.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: thể dục buổi sáng, điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn để biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở;

+ Có sức khoẻ, có ý thức với cộng đồng và xã hội;

+ Ứng dụng được kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất thi công trong nền kinh tế quốc dân và quốc phòng đạt trình độ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng.

3. Cơ hội việc làm:

- Học sinh học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tại các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng;

- Có cơ hội tìm việc làm trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài và xuất khẩu lao động;

- Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2000 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1790 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1365 giờ; Thời gian học tự chọn: 425 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 541 giờ; Thời gian học thực hành: 1249 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1365	401	871	93
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	240	200	24	16
MH 07	Vẽ kỹ thuật	90	72	12	6
MH 08	Dung sai và lắp ghép	30	23	4	3
MH 09	Cơ kỹ thuật	45	41	2	2
MH 10	Vật liệu cơ khí	45	40	2	3
MH 11	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	24	4	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1125	201	847	77
MĐ 12	Phân tích bản vẽ thi công đường ống công nghệ	65	46	12	7
MH 13	Khai triển ống và phụ kiện ống công nghệ	45	30	10	5
MĐ 14	Nguội cơ bản	120	10	105	5
MĐ 15	Nâng chuyên thiết bị	80	6	70	4
MĐ 16	Lắp mạch điện cơ bản	80	8	66	6
MĐ 17	Hàn điện và cắt khí cơ bản	80	10	65	5
MĐ 18	Sử dụng dụng cụ, thiết bị gia công, lắp đặt ống công nghệ	60	13	42	5
MĐ 19	Đo ống công nghệ	40	8	28	4
MĐ 20	Chọn lựa ống và phụ kiện	60	13	42	5
MĐ 21	Gia công kết cấu giữ ống	60	10	47	3
MĐ 22	Gia công phụ kiện ống	80	12	63	5
MĐ 23	Gia công cụm ống phẳng	80	13	62	5
MĐ 24	Lắp đặt kết cấu giữ ống	75	12	58	5
MĐ 25	Lắp đặt tuyến ống công nghệ	102	10	87	5
MĐ 26	Thực tập sản xuất	98	0	90	8
Tổng cộng		1575	507	958	110

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:
(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỀ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Thủy khí cơ sở	60	30	25	5
MĐ 28	Bảo ôn đường ống	60	10	45	5
MĐ 29	Lắp đặt ống cấp thoát nước	165	32	124	9
MĐ 30	Lắp đặt thiết bị dùng nước	80	18	56	6
MĐ 31	Lắp đặt ống qua sông/đầm lầy	180	26	148	6
MĐ 32	Lắp đặt máy bơm	72	10	57	5
MĐ 33	Lắp đặt ống và phụ kiện chìm	168	24	137	7
MĐ 34	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	25	3	2

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Thủy khí cơ sở	60	30	25	5
MĐ 28	Bảo ôn đường ống	60	10	45	5
MĐ 29	Lắp đặt ống cấp thoát nước	155	32	114	9
MĐ 30	Lắp đặt thiết bị dùng nước	80	18	56	6
MĐ 32	Lắp đặt máy bơm	70	10	55	5
Tổng cộng		425	100	295	30

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và trả lời 20 phút/học sinh)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/học sinh

	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24giờ
--	---	---	-----------------

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

Nội dung và thời gian tổ chức cho các hoạt động ngoại khoá có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao;	5giờ ÷ 6 giờ; 17 giờ ÷ 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ ÷ 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	- Mỗi học kỳ 01 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi và quản lý.

Phụ lục 6B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ

Mã nghề: 50510212

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguyên lý, cấu tạo, công dụng của dụng cụ, thiết bị thi công lắp đặt ống công nghệ;

+ Nêu được phương pháp lựa chọn vật tư, thiết bị phù hợp với yêu cầu chế tạo phụ kiện ống và lắp đặt tuyến ống;

+ Trình bày được cách đọc các bản vẽ thi công hệ thống ống công nghệ;

+ Nêu được phương pháp tính toán, khai triển các chi tiết ống hình trụ, côn, chóp lò, ống nhánh chữ Y;

+ Phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp xử lý sự cố thường gặp khi thi công lắp đặt.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ đo kiểm, dụng cụ tháo lắp, dụng cụ căn chỉnh, dụng cụ và thiết bị nâng chuyển đơn giản phục vụ cho nghề;

+ Phân tích được các loại bản vẽ về ống công nghệ, chọn lựa đúng ống, phụ kiện và thiết bị đường ống;

+ Gia công được các phụ kiện, giá đỡ ống thông thường; lập trình để chế tạo chi tiết bằng các thiết bị NC, CNC;

+ Gia công, lắp đặt được cụm ống phức tạp tại xưởng, tuyến ống tại công trường;

+ Thông thổi, làm sạch và thử áp lực hệ thống đường ống;

+ Lắp được các cụm ống, tuyến ống thép cac bon, không gỉ, các tuyến ống phức tạp như dẫn khí, dẫn dầu;

+ Lắp được các loại van, máy bơm và chế độ bảo dưỡng van và các phụ kiện đường ống;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm tại xưởng cũng như tại công trường;

+ Lập được kế hoạch và tổ chức thực hiện các công việc được giao của các cá nhân, nhóm, tổ lao động;

+ Ứng dụng được kỹ thuật, công nghệ vào công việc lắp đặt ống và xử lý các tình huống kỹ thuật trong thực tế thi công lắp đặt ống;

+ Quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của tổ, nhóm trong thi công lắp đặt.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng được những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Có kiến thức về truyền thống dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình thực hiện công việc;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và phát triển đất nước, Hiến pháp và Pháp luật; yêu nghề, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong làm việc, luôn vươn lên và tự hoàn thiện;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề chuyên môn hợp lý.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: thể dục buổi sáng, điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;

+ Tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn thể thao đã học;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn để biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở;

+ Hình thành tác phong khẩn trương, ngăn nắp và có tính kỷ luật cao trong công tác, sinh hoạt hàng ngày;

+ Có sức khỏe, có ý thức với cộng đồng và xã hội;

+ Có sáng tạo trong việc ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất thi công trong nền kinh tế quốc dân và quốc phòng đạt trình độ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng.

3. Cơ hội việc làm:

+ Sau khi học xong, sinh viên có thể tham gia vào các vị trí công việc như: Trực tiếp sản xuất thi công, cán bộ kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng đường ống và thiết bị đường ống trong các nhà máy sản xuất. Xử lý được các tình huống kỹ thuật về ống trong thực tế chế tạo, thi công lắp đặt;

+ Có cơ hội tìm việc làm trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài và xuất khẩu lao động;

+ Có thể tự tạo việc và tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2470 giờ; Thời gian học tự chọn: 830 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 991 giờ; Thời gian học thực hành: 2309 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2470	693	1622	155
II.1	Các môn học, mô đun, kỹ thuật cơ sở	435	334	71	30
MH 07	Toán ứng dụng	60	31	24	5
MH 08	Hình học họa hình	45	34	8	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	90	67	17	6
MH 10	Dung sai và lắp ghép	45	38	4	3
MH 11	Cơ lý thuyết	45	39	3	3
MH 12	Sức bền vật liệu	30	23	5	2
MH 13	Vật liệu cơ khí	60	54	2	4
MH 14	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	30	24	4	2
MH 15	Quản lý doanh nghiệp và tổ chức sản xuất	30	24	4	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2035	359	1551	125
MĐ 16	Phân tích bản vẽ và tài liệu thi công lắp đặt ống công nghệ	110	53	47	10
MH 17	Khai triển ống và phụ kiện ống	60	40	14	6
MĐ 18	Nâng chuyển thiết bị	80	11	62	7
MĐ 19	Nguội cơ bản	120	12	101	7
MĐ 20	Lắp mạch điện cơ bản	80	8	66	6
MĐ 21	Hàn điện cơ bản	80	11	63	6
MĐ 22	Hàn, cắt khí cơ bản	80	11	63	6
MĐ 23	Sử dụng dụng cụ - thiết bị gia công, lắp đặt ống công nghệ	80	15	59	6
MĐ 24	Đo ống công nghệ	80	18	58	4
MĐ 25	Chọn lựa ống, phụ kiện và thiết bị	80	17	58	5
MĐ 26	Gia công kết cấu giữ ống	100	17	78	5
MĐ 27	Gia công chi tiết và phụ kiện ống	120	15	100	5
MĐ 28	Bảo ôn đường ống	100	18	75	7
MĐ 29	Gia công cụm ống	100	15	80	5

MĐ 30	Lắp đặt giá ống	90	16	69	5
MĐ 31	Lắp đặt hệ thống ống công nghệ	205	34	160	11
MĐ 32	Lắp đặt ống thép không gỉ và ống đồng	185	38	137	10
MĐ 33	Bảo trì và sửa chữa đường ống	45	10	31	4
MĐ 34	Thực tập sản xuất	240	0	230	10
Tổng cộng		2920	913	1822	185

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 35	Thủy khí cơ sở	60	51	5	4
MH 36	Lắp đặt ống cấp thoát nước	180	36	134	10
MĐ 37	Lắp đặt thiết bị dùng nước	120	24	87	9
MĐ 38	Lắp đặt ống qua sông/ đầm lầy	180	26	148	6
MĐ 39	Lắp đặt máy bơm	80	11	64	5
MĐ 40	Lắp đặt ống và phụ kiện chìm	180	26	148	8
MĐ 41	Lắp đặt ống dẫn khí trên bờ	180	30	142	8
MH 42	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	25	3	2

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật lắp ống công nghệ đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 6 mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 35	Thủy khí cơ sở	60	51	5	4
MĐ 36	Lắp đặt ống cấp, thoát nước	180	36	134	10
MĐ 37	Lắp đặt thiết bị dùng nước	120	24	87	9
MĐ 38	Lắp đặt ống qua sông/đâm lầy	180	26	148	6
MĐ 39	Lắp đặt máy bơm	80	11	64	5
MĐ 40	Lắp đặt ống và phụ kiện chìm	180	26	146	8
MH 42	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	25	3	2
Tổng cộng		830	199	587	44

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Thi lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)

	- Thi thực hành nghề	Bài thi thực hành	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/sinh viên)
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp liên quan đến nghề;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp. Nội dung cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ ÷ 6 giờ; 17 giờ ÷ 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	- Vào ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ ÷ 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 01 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi và quản lý



Phụ lục 7:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò"
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐTBXH
ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 7A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò

Mã số nghề: 40510341

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc và phạm vi sử dụng của các thiết bị cơ điện mỏ hầm lò: Máy quạt gió, tàu điện mỏ, tời, máng cào, băng tải, quang lật, máy bơm nước, máy nén khí, máy cào vơ, máy bốc xúc, máy đào lò, máy khâu than;

+ Biết cách lập kế hoạch, biện pháp để thay thế sửa chữa các thiết bị cơ điện sử dụng trong dây chuyền sản xuất mỏ hầm lò;

+ Phân tích được những nguyên nhân gây ra các sự cố trong hệ thống cung cấp điện, trong các phụ tải trong dây chuyền sản xuất ở mỏ;

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc, các đặc tính kỹ thuật của các thiết bị đóng cắt, bảo vệ phòng nổ và an toàn tia lửa có điều khiển tại chỗ và từ xa hoặc tự động trong công nghệ sản xuất mỏ hầm lò;

+ Hiểu được cách đọc các sơ đồ điện, sơ đồ khí nén, sơ đồ thuỷ lực của các thiết bị máy mỏ;

+ Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật, kinh tế và năng suất, chủ động thích ứng với công tác sản xuất tại mỏ;

+ Trình bày được cách tổ chức sản xuất trong mỏ và hiểu được tính chất công việc của thợ Cơ - Điện trong dây chuyền sản xuất mỏ. Tổ chức được việc điều hành trong một tổ sản xuất;

+ Thiết kế được quy trình lắp đặt, đấu nối, vận hành các thiết bị cơ điện trong lò, quy trình cung cấp điện trong mỏ hầm lò;

+ Trình bày được các nội dung công tác kỹ thuật an toàn, nội dung cơ bản công tác cấp cứu mỏ.

- Kỹ năng:

+ Đọc được các sơ đồ điện, sơ đồ khí nén, sơ đồ thủy lực của các thiết bị máy mỏ;

+ Thực hiện được các công việc chuẩn bị cho đầu ca sản xuất;

+ Lập được kế hoạch, biện pháp để thay thế sửa chữa các thiết bị cơ điện sử dụng trong dây chuyền sản xuất mỏ hầm lò;

+ Lắp đặt đấu nối được hệ thống cáp dẫn điện trong mỏ hầm lò;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt vận hành được các thiết bị đóng cắt điện hạ áp bằng tay, các thiết bị điện trong hệ thống điện chiếu sáng;

+ Lắp đặt, vận hành, thay thế được cầu chì, rơ le điều khiển, rơ le bảo vệ trong lưới điện hạ áp;

+ Lắp đặt, sử dụng được các dụng cụ đo lường điện hạ áp;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt, vận hành, sửa chữa áp tô mát, khởi động từ thường;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt, vận hành, sửa chữa thiết bị đóng cắt phòng nổ lưới điện hạ áp;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt, vận hành thiết bị điện trong hệ thống trạm mạng đến 6KV;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt vận hành, sửa chữa thiết bị bơm mỏ, nén khí, thiết bị khoan, thông gió mỏ hầm lò;

+ Lắp đặt vận hành, sửa chữa thiết bị thông tin liên lạc mỏ;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt vận hành, sửa chữa thiết bị vận tải bốc xúc, thiết bị khai thác, đào lò;

+ Quản và phục hồi được các máy điện có công suất nhỏ và trung bình;

+ Chọn được tiết diện cáp theo công suất của phụ tải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

+ Làm được tiếp đất cục bộ, tiếp đất chung cho các thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật. Đo được điện trở tiếp đất của mạng tiếp đất mỏ hầm lò;

+ Kèm cặp hướng dẫn được thợ mới.

2. Chính trị đạo đức; Thề chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành công nghiệp khai thác mỏ của Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, luôn có ý thức học tập và rèn luyện nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có ý thức lao động, kỷ luật, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất;

+ Có trách nhiệm với công việc được giao, quý trọng bảo vệ thiết bị tài sản, tiết kiệm vật tư, vật liệu; đấu tranh chống sai phạm quy trình, quy phạm kỹ thuật;

+ Biết độc lập suy nghĩ để bước vào cuộc sống lao động, có trách nhiệm với bản thân và xã hội;

+ Biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam và của công nhân ngành mỏ.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Biết giữ gìn vệ sinh môi trường;

+ Hiểu biết một số phương pháp tập luyện, vận động nâng cao sức khoẻ;

+ Có thói quen rèn luyện thân thể;

+ Đạt tiêu chuẩn sức khoẻ theo qui định nghề đào tạo;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi học xong chương trình “Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò” với kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành, học sinh có khả năng:

+ Làm việc theo tổ, nhóm ở các công trường, tổ đội sản xuất;

+ Áp dụng kỹ thuật, công nghệ vào các công việc cụ thể của nghề trong các công ty, xí nghiệp sản xuất và kinh doanh than, quặng, vật liệu xây dựng của ngành công nghiệp khai thác góp phần phát triển kinh tế và xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khoá học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. *Phân bố thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1980 giờ; Thời gian học tự chọn: 360 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 689 giờ; Thời gian học thực hành: 1651 giờ

3. *Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:*

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	187	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1980	537	1286	157
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	270	219	32	19
MH 07	Vẽ kỹ thuật	45	23	18	4
MH 08	Điện kỹ thuật - Điện tử	45	35	7	3
MH 09	Cơ kỹ thuật	30	24	4	2
MH 10	Vật liệu cơ khí - Vật liệu điện	30	28	0	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường	30	25	3	2
MH 12	Kinh tế - Tổ chức sản xuất	30	28	0	2
MH 13	Kỹ thuật mỏ	30	28	0	2
MH 14	Kỹ thuật an toàn	30	28	0	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1710	318	1254	138

MĐ 15	Hàn điện- Hàn hơi	60	16	40	4
MĐ 16	Máy điện 1	90	24	57	9
MĐ 17	Điện cơ bản	280	60	196	24
MĐ 18	Cung cấp điện	90	22	59	9
MĐ 19	Điện mỏ 1	300	60	216	24
MĐ 20	Thiết bị bơm	30	9	18	3
MĐ 21	Thiết bị khoan	60	15	39	6
MĐ 22	Thiết bị nén khí	60	15	39	6
MĐ 23	Thiết bị quạt gió	30	8	19	3
MĐ 24	Thiết bị bốc xúc, vận tải	150	50	88	12
MĐ 25	Cấp cứu mỏ	60	15	39	6
MĐ 26	Thực tập sản xuất	500	24	444	32
	Tổng cộng	2190	636	1386	168

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Truyền động thủy lực	30	28	0	2
MĐ 28	Thiết bị đào lò, khai thác	90	30	54	6
MĐ 29	Cột giá thủy lực	90	27	54	9
MĐ 30	Thiết bị tự động hóa	90	30	54	6
MĐ 31	Tàu điện mỏ	60	16	38	6
MH 32	Vận hành sửa chữa máy nghiền than	90	18	66	6
MĐ 33	Vận hành sửa chữa máy sàng tuyển	90	18	66	6
MĐ 34	Thiết bị nổ mìn	60	6	51	3
MĐ 35	Thiết bị phụ trợ trong mỏ hầm lò	120	30	81	9
MĐ 36	Môi trường mỏ	60	6	51	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật cơ điện mô hình đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 môn học, mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Truyền động thủy lực	30	28	0	2
MĐ 28	Thiết bị đào lò, khai thác	90	30	54	6
MĐ 29	Cột giá thủy lực di động	90	27	54	9
MĐ 30	Thiết bị tự động hóa	90	30	54	6
MĐ 31	Tàu điện mô	60	16	38	6
Tổng cộng		360	131	200	29

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút

		Vấn đáp	Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 5h÷6h; 17h÷18h hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19h ÷ 21h hàng ngày (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Trong công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế thiết bị vật tư nguyên liệu có giá thành cao, đây là khó khăn lớn cho các cơ sở đào tạo. Vì vậy để thực hiện tốt chương trình đào tạo này, các trường phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp để tận dụng năng lực cơ sở vật chất trang thiết bị và điều kiện sản xuất thực tế để phối hợp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu yêu cầu của các cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi và quản lý. *///*

Phụ lục 7B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò

Mã nghề: 50510341

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc, đặc tính cơ, phương pháp khởi động, phương pháp điều chỉnh tốc độ quay và đọc được các sơ đồ hình trái của máy điện một chiều, máy điện xoay chiều sử dụng trong công nghệ khai thác mỏ;

+ Hiểu được cách lập được phương án và điều kiện thực hiện được việc bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt, đấu nối, quấn, tẩm, sấy và phục hồi được các loại động cơ điện có công suất đến 30 KW theo đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc và phạm vi sử dụng của các thiết bị cơ điện mỏ hầm lò: Máy quạt gió, tàu điện mỏ, tời, máng cào, băng tải, quang lật, máy bơm nước, máy nén khí, máy cào vơ, máy bốc xúc, máy đào lò, máy khâu than;

+ Biết ứng dụng được các kiến thức đã học vào sản xuất một cách khoa học, vận dụng và sử dụng các phương pháp, các kỹ thuật sửa chữa tiên tiến trong các thiết bị cơ điện mỏ. Có ý tưởng hoặc nguyên lý đưa ra để giải quyết vấn đề có hiệu quả nhất;

+ Hiểu được cách lập kế hoạch, biện pháp để thay thế sửa chữa các thiết bị cơ điện sử dụng trong dây chuyền sản xuất mỏ hầm lò;

+ Phân tích được những nguyên nhân gây ra các sự cố trong hệ thống cung cấp điện, trong các phụ tải trong dây chuyền sản xuất ở mỏ;

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc, các đặc tính kỹ thuật của các thiết bị đóng cắt, bảo vệ phòng nổ và an toàn tia lửa có điều khiển tại chỗ và từ xa hoặc tự động trong công nghệ sản xuất mỏ hầm lò;

+ Hiểu được cách đọc các sơ đồ điện, sơ đồ khí nén, sơ đồ thủy lực của các thiết bị máy mỏ;

+ Hiểu được cách lập chương trình tự động hoá điều khiển vận tải, thông gió, giám sát khí mỏ và hệ thống bơm thoát nước mỏ hầm lò;

+ Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật, kinh tế và năng suất, chủ động thích ứng với công tác sản xuất tại mỏ;

+ Trình bày được cách tổ chức sản xuất trong mỏ và hiểu được tính chất công việc của thợ Cơ - Điện trong dây chuyền sản xuất mỏ. Tổ chức được việc điều hành trong một tổ sản xuất;

+ Hiểu được cách thiết kế quy trình lắp đặt, đấu nối, vận hành các thiết bị cơ điện trong lò, quy trình cung cấp điện trong mỏ hầm lò;

+ Hiểu được cách thiết kế quy trình vận hành hệ thống điều khiển tự động trong công nghệ vận tải, thông gió, giám sát khí mỏ và bơm thoát nước mỏ hầm lò;

+ Trình bày được các nội dung công tác kỹ thuật an toàn, nội dung cơ bản công tác cấp cứu mỏ;

+ Hiểu được cách lập phương án thay thế để nâng cao tuổi thọ và đảm bảo tính kinh tế và kỹ thuật trong việc sử dụng, vận hành cáp điện;

+ Hiểu được cách lập phương án, lắp đặt, sửa chữa vận hành được hệ thống chiếu sáng trong mỏ hầm lò;

+ Hiểu được cách tổ chức và điều hành sản xuất hợp lý, thu xếp, bố trí lập kế hoạch kiểm tra các biện pháp an toàn và cải thiện điều kiện làm việc.

- Kỹ năng:

+ Đọc được các sơ đồ điện, sơ đồ khí nén, sơ đồ thủy lực của các thiết bị máy mỏ;

+ Lập được phương án thay thế để nâng cao tuổi thọ và đảm bảo tính kinh tế và kỹ thuật trong việc sử dụng, vận hành cáp điện;

+ Lập kế được hoạch, biện pháp để thay thế sửa chữa các thiết bị cơ điện sử dụng trong dây chuyền sản xuất mỏ hầm lò;

+ Thực hiện được các công việc chuẩn bị cho đầu ca sản xuất;

+ Thiết kế được quy trình vận hành hệ thống điều khiển tự động trong công nghệ vận tải, thông gió, giám sát khí mỏ và bơm thoát nước mỏ hầm lò;

+ Lắp đặt đấu nối được hệ thống cáp dẫn điện trong mỏ hầm lò;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt vận hành được các thiết bị đóng cắt điện hạ áp bằng tay, các thiết bị điện trong hệ thống điện chiếu sáng;

+ Lắp đặt, vận hành, thay thế được cầu chì, rơ le điều khiển, rơ le bảo vệ trong lưới điện hạ áp;

+ Lắp đặt, sử dụng được các dụng cụ đo lường điện hạ áp;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt, vận hành, sửa chữa áp tô mát, khởi động từ thường;

+ Bảo dưỡng, lắp đặt, vận hành, sửa chữa thiết bị đóng cắt phòng nổ lưới điện hạ áp;

- + Bảo dưỡng, lắp đặt, vận hành thiết bị điện trong hệ thống trạm mạng đến 6KV;
- + Bảo dưỡng, lắp đặt vận hành, sửa chữa thiết bị bơm mỡ, nén khí, thiết bị khoan, thông gió mỏ hầm lò;
- + Lắp đặt vận hành, sửa chữa thiết bị thông tin liên lạc mỏ;
- + Bảo dưỡng, lắp đặt vận hành, sửa chữa thiết bị vận tải bốc xúc, thiết bị khai thác, đào lò;
- + Quản và phục hồi được các máy điện có công suất nhỏ và trung bình;
- + Thực hiện được các công việc trong phạm vi các trang bị, các thiết bị cơ điện mỏ trong dây chuyền sản xuất;
- + Khắc phục các sự cố thường xảy ra trong quá trình vận hành các thiết bị cơ điện mỏ đáp ứng yêu cầu sản xuất;
- + Chọn được tiết diện cáp theo công suất của phụ tải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- + Tính toán và làm được tiếp đất cục bộ, tiếp đất chung cho các thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật. Đo được điện trở tiếp đất của mạng tiếp đất mỏ hầm lò;
- + Kèm cặp hướng dẫn được thợ mới.

2. Chính trị đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh;
- + Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành công nghiệp khai thác mỏ của Việt Nam;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Yêu nghề, luôn có ý thức học tập và rèn luyện nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc, có ý thức lao động, kỷ luật, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất;
- + Có trách nhiệm với công việc được giao, quý trọng bảo vệ thiết bị tài sản, tiết kiệm vật tư, vật liệu; đấu tranh chống sai phạm qui trình, qui phạm kỹ thuật;
- + Biết độc lập suy nghĩ để bước vào cuộc sống lao động, có trách nhiệm với bản thân và xã hội;
- + Biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam và của công nhân ngành mỏ.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường;
- + Hiểu biết một số phương pháp tập luyện, vận động nâng cao sức khoẻ;
- + Có thói quen rèn luyện thân thể;
- + Đạt tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định nghề đào tạo;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi học xong chương trình “Kỹ thuật cơ điện mở hầm lò” với kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành, sinh viên sẽ:

- + Làm tổ trưởng, đốc công, cán bộ chỉ huy sản xuất;
- + Làm việc độc lập, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào các công việc cụ thể của nghề trong các nhà máy, công ty, xí nghiệp sản xuất và kinh doanh than, quặng của ngành Công nghiệp khai thác

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khoá học: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2590 giờ; Thời gian học tự chọn: 710 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 922 giờ; Thời gian học thực hành: 2378 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng-An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2590	772	1611	207
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	360	301	35	24
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	38	18	4
MH 08	Điện kỹ thuật - Điện tử	45	35	7	3
MH 09	Cơ kỹ thuật	30	24	4	2
MH 10	Vật liệu cơ khí - Vật liệu điện	30	28	0	2
MH 11	Truyền động điện	30	28	0	2
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường	45	36	6	3
MH 13	Kinh tế - Tổ chức sản xuất	30	28	0	2
MH 14	Truyền động thủy lực	30	28	0	2
MH 15	Kỹ thuật mỏ hầm lò	30	28	0	2
MH 16	Kỹ thuật an toàn	30	28	0	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	2230	471	1576	183
MĐ 17	Hàn điện-Hàn hơi	60	16	40	4
MĐ 18	Máy điện 1	90	24	57	9
MĐ 19	Máy điện 2	60	20	34	6
MĐ 20	Điện cơ bản	280	60	196	24
MĐ 21	Cung cấp điện	90	22	59	9
MĐ 22	Điện mỏ 1	300	60	216	24
MĐ 23	Điện mỏ 2	180	36	132	12
MĐ 24	Thiết bị bơm	30	9	18	3
MĐ 25	Thiết bị khoan	60	15	39	6
MĐ 26	Thiết bị nén khí	60	15	39	6
MĐ 27	Thiết bị quạt gió	30	8	19	3
MĐ 28	Thiết bị bóc xúc, vận tải	150	50	88	12
MĐ 29	Tàu điện mỏ	60	16	38	6
MĐ 30	Cột giá thủy lực di động	90	27	54	9
MĐ 31	Thiết bị tự động hóa	120	40	71	9
MĐ 32	Cấp cứu mỏ	60	15	39	6
MĐ 33	Thông tin liên lạc mỏ	30	12	15	3
MĐ 34	Thực tập sản xuất	480	26	422	32
	Tổng cộng	3040	992	1811	237

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 35	AUTOCAD	30	22	3	2
MĐ 36	Thiết bị đào lò, khai thác	120	30	84	6
MĐ 37	Tự động hoá đo lưu lượng gió và giám sát khí mỏ bằng PLC	120	30	84	6
MĐ 38	Tự động hóa vận tải, thoát nước mỏ bằng PLC	120	30	84	6
MĐ 39	Thực tập chỉ huy sản xuất	360	12	276	32
MĐ 40	Vận hành sửa chữa máy nghiền than	90	18	66	6
MĐ 41	Vận hành sửa chữa máy sàng tuyển	90	18	66	6
MĐ 42	Thiết bị nổ mìn	60	6	51	3
MĐ 44	Thiết bị phụ trợ trong mỏ hầm lò	120	30	81	9
MĐ 45	Môi trường mỏ	60	6	51	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 môn học, mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 35	AUTOCAD	30	22	6	2
MĐ 36	Thiết bị đào lò, khai thác	120	30	84	6
MĐ 37	Tự động hoá đo lưu lượng gió và giám sát khí mỏ bằng PLC	120	30	84	6
MĐ 38	Tự động hóa trong công nghệ vận tải, thoát nước mỏ bằng PLC	120	30	84	6
MĐ 39	Thực tập chỉ huy sản xuất	320	12	276	32
Tổng cộng		710	124	534	52

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 24 giờ
	*Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện.:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, thực tập tại một số xí nghiệp mở, công ty khai thác mỏ;


- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 5h00÷6h00; 17h00÷18h00 hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19h00 ÷ 21h00 hàng ngày (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Trong công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế thiết bị vật tư nguyên liệu có giá thành cao, đây là khó khăn lớn cho các cơ sở đào tạo. Vì vậy để thực hiện tốt chương trình đào tạo này, các trường phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp để tận dụng năng lực cơ sở vật chất trang thiết bị và điều kiện sản xuất thực tế để phối hợp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu yêu cầu của các cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi và quản lý. 

Phụ lục 8:
**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ
cao đẳng nghề cho nghề "Kỹ thuật lò hơi"**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐTBXH
ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 8A:
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Kỹ thuật lò hơi

Mã nghề: 40510319

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về các môn học cơ sở, nhất là môn Nhiệt kỹ thuật;

+ Trình bày được các quy trình, quy phạm, công tác phòng hộ lao động của công tác vận hành các thiết bị công nghệ nhiệt, lò hơi;

+ Trình bày được: cấu tạo, đặc tính kỹ thuật, nguyên lý làm việc các thiết bị nhiệt chính và phụ trong dây chuyền công nghệ liên quan tới lò hơi;

+ Liệt kê và mô tả được các công việc bảo dưỡng, sửa chữa, sửa chữa định kỳ lò hơi.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các công việc vận hành và bảo dưỡng lò hơi;

+ Xác định được các nguyên nhân gây ra sự cố liên quan tới lò hơi và các thiết bị nhiệt khác có liên quan và đưa ra được các biện pháp xử lý theo phạm vi cho phép đã được quy định trong các quy trình vận hành, sửa chữa;

+ Vận dụng được những kiến thức kỹ thuật, công nghệ mới vào các công việc vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa lò hơi và các thiết bị nhiệt có liên quan;

+ Làm việc theo nhóm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
- + Có hiểu biết về đường lối chủ trương của Đảng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội;
- + Có hiểu biết về truyền thống dân tộc, của giai cấp công nhân và đạo đức và nhân cách của người công nhân;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp. Sống lành mạnh giản dị phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc.

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có đủ sức khoẻ để làm việc lâu dài trong các điều kiện khác nhau về không gian và thời gian;
- + Có hiểu biết các loại hình thể dục thể thao để tham gia trong hoạt động, sinh hoạt cộng đồng. Có sức khoẻ và ý thức bảo vệ Tổ quốc;
- + Biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần cảnh giác giữ gìn bí mật cơ quan, bí mật quốc gia. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học: 2595 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó, thi tốt nghiệp: 40 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2385 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1815 giờ; Thời gian học tự chọn: 570 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 735 giờ; Thời gian học thực hành: 1650 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự

học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	4
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1815	488	1208	119
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	315	182	109	24
MH 07	Vật liệu nhiệt	30	16	12	2
MH 08	Cơ học ứng dụng và nguyên lý chi tiết máy	90	65	22	3
MH 09	Kỹ thuật an toàn	30	18	10	2
MH 10	Vẽ kỹ thuật	45	20	20	5
MH 11	Thủy lực và máy thủy khí	45	25	15	5
MH 12	Kỹ thuật điện - điện tử	75	38	30	7
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1500	306	1099	95
MH 13	Nhiệt kỹ thuật	75	45	26	4
MH 14	Đo và kiểm tra các thông số kỹ thuật	45	29	13	3
MH 15	Lò hơi và các thiết bị phụ	120	86	28	6
MH 16	Vận hành lò hơi	60	30	26	4
MH 17	Bảo dưỡng và sửa chữa lò hơi	60	30	26	4
MĐ 18	Nguội cơ bản	120	10	100	10
MĐ 19	Hàn cơ bản	120	10	100	10
MĐ 20	Điện cơ bản	80	8	64	8
MĐ 21	Tự động hóa	80	16	54	10
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa lò hơi	200	16	177	7
MĐ 23	Hướng nghiệp	80	6	65	9
MĐ 24	Vận hành lò hơi	200	10	180	10
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	260	10	240	10
	Tổng cộng	2025	594	1295	136

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ CHO TỪNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và, phân bố thời gian:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Cơ sở tự động hoá	40	28	9	3
MH 27	Nhà máy nhiệt điện	90	48	35	7
MH 28	Tua bin hơi	120	44	67	9
MĐ 29	Tin học ứng dụng	80	20	51	9
MĐ 30	Tiếng Anh chuyên ngành	120	28	72	20
MĐ 31	Thiết bị nhiệt trên tàu thủy	80	20	53	7
MĐ 32	Tổ chức sản xuất	60	25	27	8
MĐ 33	Hoá kỹ thuật và môi trường	40	17	20	3
MĐ 34	Nâng cao hiệu quả kinh tế lò hơi	60	16	36	8
MĐ 35	Các loại lò hơi công nghiệp	90	23	62	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bố thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật lò hơi đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 8 môn học, mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Cơ sở tự động hoá	40	28	9	3
MĐ 29	Tin học ứng dụng	80	20	51	9
MĐ 30	Tiếng Anh chuyên ngành	120	28	72	20
MĐ 31	Thiết bị nhiệt trên tàu thủy	80	20	53	7
MĐ 32	Tổ chức sản xuất	60	25	27	8
MĐ 33	Hoá kỹ thuật và môi trường	40	17	20	3
MĐ 34	Nâng cao hiệu quả kinh tế lò hơi	60	16	36	8
MĐ 35	Các loại lò hơi công nghiệp	90	23	62	5
	Tổng cộng	570	177	330	63

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút và trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo

3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề:	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp giữa lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học các Trường có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp liên quan đến nghề;


- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

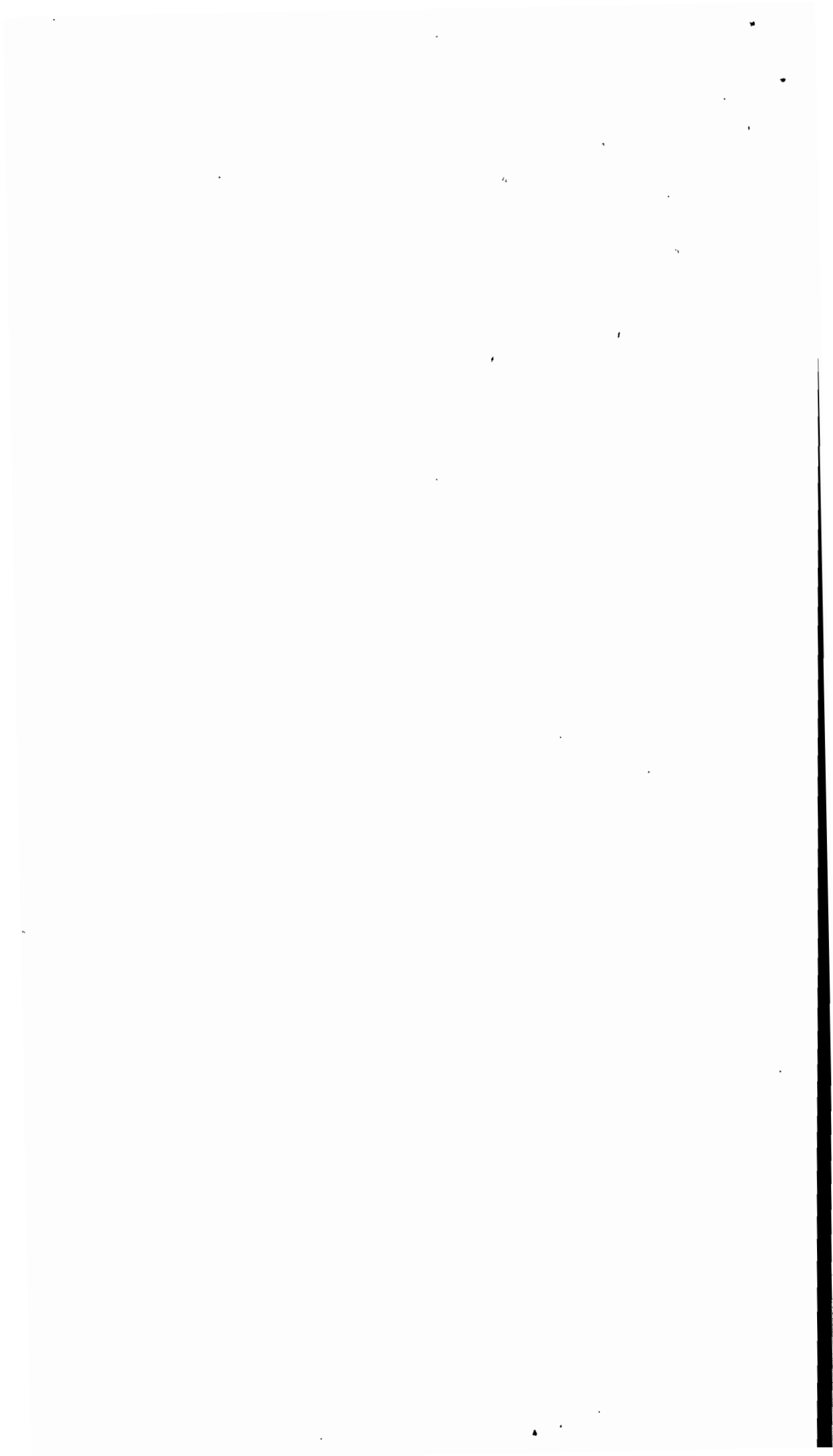
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

- Nội dung các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi và quản lý. 



Phụ lục 8B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Kỹ thuật lò hơi

Mã nghề: 50510319

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về các môn học cơ sở, nhất là môn “Nhiệt kỹ thuật” và ứng dụng của các môn học này trong vận hành, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị lò hơi;

+ Trình bày được các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, công tác bảo hộ lao động trong vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị lò hơi;

+ Giải thích được: cấu tạo, đặc tính kỹ thuật, nguyên lý làm việc các thiết bị nhiệt chính và phụ trong dây chuyền thiết bị lò hơi;

+ Tổ chức được công tác vận hành lò hơi, thực hiện được các công việc đánh giá tình trạng kỹ thuật, phương án vận hành đối với thiết bị lò hơi cũng như dự báo và khắc phục được các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành thiết bị lò hơi;

+ Chỉ ra được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của lò hơi;

+ Có khả năng đánh giá được tình trạng kỹ thuật của các hệ thống thiết bị phụ lò hơi. Xây dựng được các phương án bảo dưỡng, sửa chữa cũng như tổ chức công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho các thiết bị và hệ thống thiết bị phụ lò hơi;

+ Liệt kê và thực hiện được các công việc bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi và thiết bị phụ.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được thành thạo việc vận hành và bảo dưỡng lò hơi;

+ Phân tích, xác định được các nguyên nhân gây ra sự cố liên quan tới lò hơi và các thiết bị nhiệt khác có liên quan và đưa ra được các biện pháp xử lý;

+ Vận dụng được những kiến thức kỹ thuật, công nghệ mới vào các công việc vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa lò hơi và các thiết bị nhiệt có liên quan;

+ Đánh giá được tình trạng kỹ thuật thiết bị lò hơi trong vận hành cũng như sửa chữa, bảo dưỡng, từ đó xây dựng các phương án vận hành và sửa chữa thích hợp tương ứng;

+ Biết tổ chức các nhóm làm việc.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Kỹ thuật lò hơi;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, yêu nghề; có kiến thức bảo vệ môi trường, cộng đồng của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

+ Sau khi tốt nghiệp có khả năng tự tìm việc làm và tạo việc làm cho người khác hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề Kỹ thuật lò hơi trình độ cao đẳng nghề có thể làm việc tại:

- Các nhà máy nhiệt điện;

- Các nhà máy sản xuất lương thực phẩm, bánh kẹo, bia rượu, gỗ, giấy, hóa chất, giày, dép, quần áo, ...

- Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nhu cầu sử dụng nhiệt độ cao, hơi nước, nước nóng;

- Các hệ thống sấy.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2400 giờ; Thời gian học tự chọn: 900 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 972 giờ; Thời gian học thực hành: 2328 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng – An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2400	660	1591	149
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	465	290	138	37
MH 07	Toán ứng dụng	45	30	12	3
MH 08	Cơ học ứng dụng	60	40	15	5
MH 09	Kỹ thuật an toàn	30	18	10	2
MH 10	Vẽ kỹ thuật	45	20	20	5
MH 11	Thủy lực và máy thủy khí	45	25	15	5
MH 12	Vật liệu nhiệt	30	16	12	2
MH 13	Nguyên lý và chi tiết máy	60	42	13	5
MH14	Kỹ thuật điện - điện tử	105	68	30	7
MH15	Cơ sở tự động hoá	45	31	11	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1935	370	1453	112
MH 16	Nhiệt kỹ thuật	90	60	25	5
MH 17	Đo và kiểm tra các thông số kỹ thuật	60	20	36	4

MH 18	Lò hơi	105	76	23	6
MH 19	Hệ thống thiết bị lò hơi	60	40	16	4
MH 20	Hệ thống tự động trong lò hơi	45	30	12	3
MH 21	Vận hành lò hơi	60	30	26	4
MH 22	Bảo dưỡng và sửa chữa lò hơi	75	30	40	5
MĐ 23	Nguội cơ bản	150	15	120	15
MĐ 24	Hàn cơ bản	150	15	120	15
MĐ 25	Điện cơ bản	80	8	64	8
MĐ 26	Bảo dưỡng và sửa chữa lò hơi	300	10	280	10
MĐ 27	Hướng nghiệp	80	6	65	9
MĐ 28	Vận hành lò hơi	300	10	275	15
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	380	10	355	15
	Tổng cộng	2850	880	1791	179

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn :

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Máy điện và thiết bị điện	90	40	45	5
MH 31	Nhà máy nhiệt điện	120	50	62	8
MH 32	Tuabin hơi	150	54	87	9
MĐ 33	Tin học ứng dụng	100	20	68	12
MĐ 34	Tiếng Anh chuyên ngành	150	28	102	20
MĐ 35	Tự động hóa	80	16	54	10
MĐ 36	Thiết bị nhiệt trên tàu thủy	100	30	63	7
MĐ 37	Tổ chức sản xuất	80	25	45	10
MĐ 38	Kiểm tra chất lượng kim loại	60	10	45	5
MĐ 39	Hoá kỹ thuật và môi trường	60	19	35	6
MĐ 40	Nâng cao hiệu quả kinh tế lò hơi	80	20	52	8
MĐ 41	Các loại lò hơi công nghiệp	120	30	84	6

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật lò hơi đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 9 môn học, mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Máy điện và thiết bị điện	90	40	45	5
MH 31	Nhà máy nhiệt điện	120	50	62	8
MĐ 33	Tin học ứng dụng	100	20	68	12
MH 34	Tiếng Anh chuyên ngành	150	28	102	20
MĐ 35	Tự động hóa	80	16	54	10
MĐ 36	Thiết bị nhiệt trên tàu thủy	100	30	63	7
MĐ 39	Hoá kỹ thuật và môi trường	60	19	35	6
MĐ 40	Nâng cao hiệu quả kinh tế lò hơi	80	20	52	8
MĐ 41	Các loại lò hơi công nghiệp	120	30	84	6
Tổng cộng		900	253	565	82

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút và trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề:	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút và trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	*Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện.:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, thực tập tại một số xí nghiệp liên quan tới nghề;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;


- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

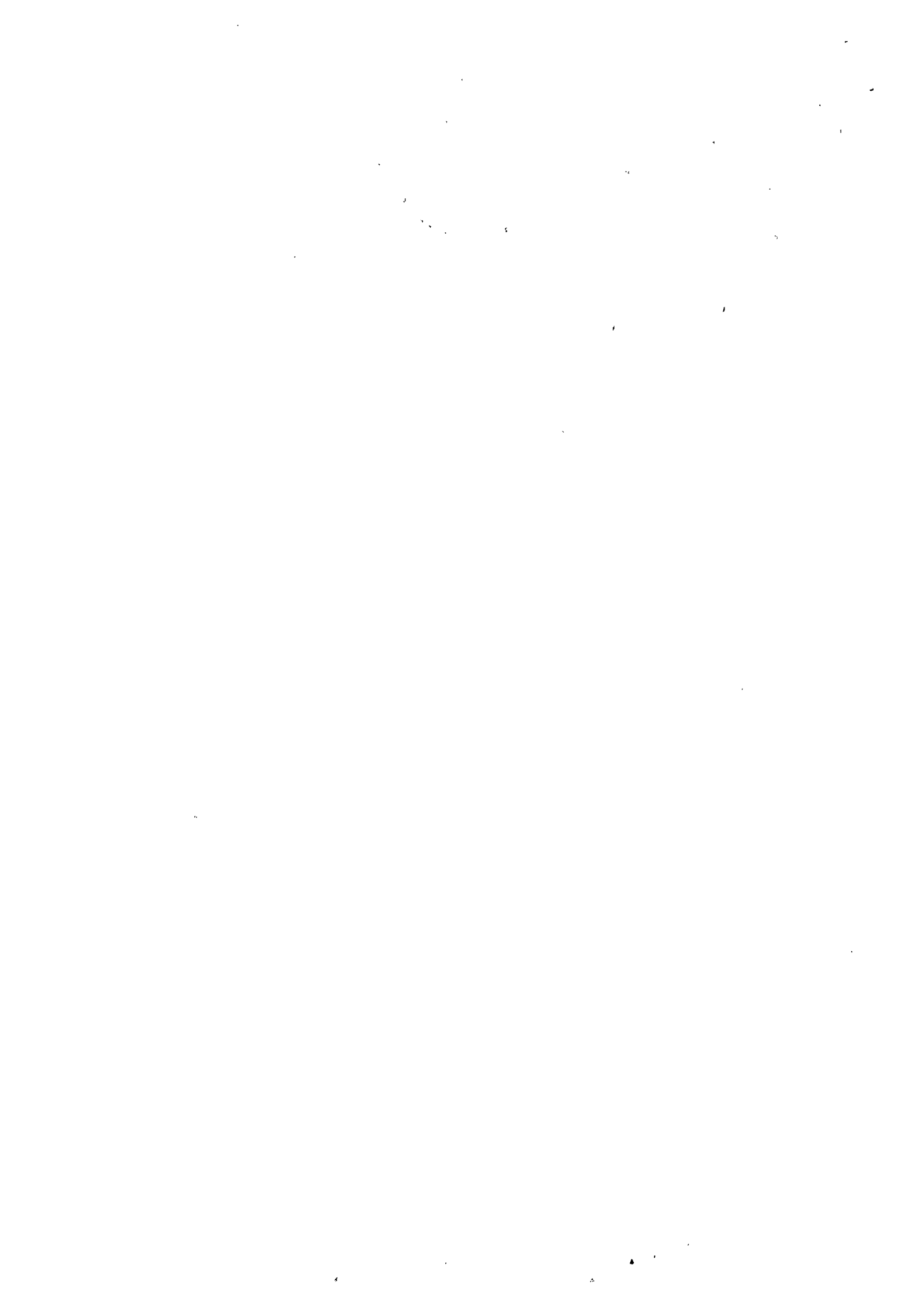
- Nội dung các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi và quản lý. 




**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ
cao đẳng nghề cho nghề "Điện tử dân dụng"**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT - BLĐT BXH
ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**Phụ lục 9A:
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề**

Tên nghề: Điện tử dân dụng

Mã nghề: 40510344

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 27

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Hiểu được một số chỉ tiêu chất lượng về vật liệu linh kiện điện tử;
- + Giải thích được quy cách, tính chất của các loại vật liệu thường dùng trong lĩnh vực điện tử dân dụng;
- + Giải thích được tính chất, cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử cơ bản;
- + Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và các chỉ tiêu cơ bản của các loại thiết bị điện tử dân dụng;
- + Phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các sự cố đơn giản;
- + Có khả năng ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công việc thực tiễn của nghề;
- + Có khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu lý lịch thiết bị điện tử dân dụng, tự nâng cao năng lực chuyên môn.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo lường điện tử;
- + Sửa chữa được các thiết bị điện tử dân dụng từ hệ thống âm thanh cho đến máy thu hình công nghệ cao;
- + Sử dụng được các phần mềm ứng dụng phục vụ cho nghề;

- + Có khả năng làm việc theo nhóm, sáng tạo, có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động;
- + Có khả năng giao tiếp với khách hàng để hướng dẫn, mô tả các thông tin về sản phẩm, thiết bị liên quan đến nghề;
- + Tự nâng cao trình độ nghề nghiệp;
- + Kèm cặp, hướng dẫn được công nhân bậc thấp;
- + Kiểm tra và giám sát được công việc của người có trình độ sơ cấp nghề.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác- Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp của địa phương, khu vực, vùng, miền và định hướng phát triển của nghề Điện tử dân dụng;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp, Pháp luật;
- + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp. Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
- + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các xí nghiệp công nghiệp. Sức khỏe đạt yêu cầu theo phân loại của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Học sinh sau khi tốt nghiệp nghề Điện tử dân dụng trình độ trung cấp nghề làm việc tại:

- + Các nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm điện tử;
- + Các doanh nghiệp dịch vụ sửa chữa và bảo trì sản phẩm điện tử;

+ Bộ phận chăm sóc khách hàng của các doanh nghiệp cung cấp thiết bị điện tử.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2535 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp 210 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2325 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1965 giờ; Thời gian học tự chọn: 360 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 735 giờ; Thời gian học thực hành: 1590 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 06	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1965	600	1365	68
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	690	300	360	30

MH 07	Điện kỹ thuật	75	60	15	6
MH 08	Tín hiệu và phương thức truyền dẫn	45	30	15	5
MĐ 09	Kỹ thuật an toàn điện	30	15	15	3
MĐ 10	Vật liệu, linh kiện điện tử.	105	45	60	3
MĐ 11	Đo lường Điện- Điện tử	60	30	30	3
MĐ 12	Kỹ thuật mạch điện tử I	150	45	75	5
MĐ 13	Kỹ thuật mạch điện tử II	105	45	60	4
MĐ 14	Kỹ thuật số	120	30	90	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1275	300	1005	38
MĐ 15	Điện cơ bản	90	15	75	3
MĐ 16	Vẽ mạch điện tử	90	30	60	3
MĐ 17	Hệ thống âm thanh	165	45	120	6
MĐ 18	Máy RADIO-CASSETTE	135	45	90	5
MĐ 19	Máy thu hình	180	60	120	6
MĐ 20	Máy CD/VCD	135	45	120	5
MĐ 21	Máy DVD	120	30	90	5
MĐ 22	Kỹ thuật vi điều khiển	120	30	90	5
MĐ 23	Thực tập sản xuất	240	0	240	0
	Tổng cộng	2175	706	1452	85

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân phối thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Cảm biến	60	30	30	2
MĐ 25	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy	165	45	120	5

	tính				
MĐ 26	Sửa chữa bộ nguồn máy tính	60	30	30	2
MĐ 27	Sửa chữa màn hình máy vi tính	90	30	60	4
MĐ 28	Điện tử công suất	105	45	60	4
MĐ 29	Nâng cao hiệu quả công tác	30	15	15	2

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Điện tử dân dụng đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy tính	165	45	120	5
MĐ 26	Sửa chữa bộ nguồn máy tính	60	30	30	2
MĐ 28	Điện tử công suất	105	45	60	4

MĐ 29	Nâng cao hiệu quả công tác	30	15	15	2
	Tổng cộng	360	135	225	13

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 8 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý.



Phụ lục 9B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Điện tử dân dụng

Mã nghề: 50510344

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I.MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Hiểu được một số thuật ngữ tiếng Anh giao tiếp và chuyên ngành;
- + Có khả năng ứng dụng được tin học văn phòng vào hoạt động nghề;
- + Giải thích được quy cách, tính chất của các loại vật liệu thường dùng trong lĩnh vực điện tử dân dụng;
- + Phân tích được nguyên lý hoạt động của các mạch điện, của các thiết bị điện tử trong thiết kế, kiểm tra, sửa chữa;
- + Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng, của các mạch điện tử cơ bản, các mạch điện chuyên biệt được dùng trong thiết bị điện tử dân dụng;
- + Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và các chỉ tiêu cơ bản của các loại thiết bị điện tử dân dụng;
- + Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy thu hình công nghệ cao và digital;
- + Có khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu lý lịch thiết bị điện tử dân dụng, tự nâng cao năng lực chuyên môn;
- + Có khả năng ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào công việc thực tiễn của nghề.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh giao tiếp và chuyên ngành;
- + Ứng dụng được tin học trong công tác văn phòng vào hoạt động nghề;
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo lường điện tử;
- + Sửa chữa được các loại thiết bị điện tử dân dụng;
- + Đọc được các bản vẽ kỹ thuật của nghề. Sử dụng máy tính để thiết kế được các mạch điện tử;

+ Đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp. Đưa ra được những quyết định kỹ thuật có hàm lượng chuyên môn sâu và có năng lực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực chuyên môn;

+ Tự nâng cao trình độ nghề nghiệp;

+ Kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn;

+ Tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất của một phân xưởng hoặc xí nghiệp nhỏ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, yêu nghề; có kiến thức bảo vệ môi trường, cộng đồng của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề Điện tử dân dụng trình độ cao đẳng nghề có thể làm việc tại:

- Các nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm điện tử;

- Các doanh nghiệp dịch vụ sửa chữa và bảo trì sản phẩm điện tử;

- Bộ phận chăm sóc khách hàng của các doanh nghiệp cung cấp thiết bị điện tử.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2520 giờ; Thời gian học tự chọn: 780 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1451 giờ; Thời gian học thực hành: 2299 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 06	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2520	810	1710	50
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	915	416	499	49
MH 07	Điện kỹ thuật	75	47	28	6
MH 08	Tín hiệu và phương thức truyền dẫn	45	39	5	1
MH 09	Tổ chức, quản lý xí nghiệp	45	44	1	1
MĐ 10	Kỹ thuật an toàn điện	30	15	15	3
MĐ 11	Vật liệu, linh kiện điện tử	105	45	60	3
MĐ 12	Đo lường Điện- Điện tử	60	30	30	3
MĐ 13	Kỹ thuật mạch điện tử I	150	60	90	5
MĐ 14	Kỹ thuật mạch điện tử II	105	45	60	4

MĐ 15	Kỹ thuật số	120	30	90	5
MĐ 16	Kỹ thuật mạch điện tử III	60	30	30	3
MĐ 17	Kỹ thuật vi điều khiển	120	30	90	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1605	390	1215	50
MĐ 18	Điện cơ bản	90	15	75	11
MĐ 19	Vẽ mạch điện tử	90	30	60	3
MĐ 20	Hệ thống âm, thanh	165	45	120	15
MĐ 21	Máy RADIO-CASSETTE	135	45	90	10
MĐ 22	Máy thu hình	180	60	120	15
MĐ 23	Máy CD/VCD	135	45	90	5
MĐ 24	Máy DVD	120	30	90	5
MĐ 25	Máy thu hình công nghệ cao và kỹ thuật số	180	60	120	6
MĐ 26	Sửa chữa điện thoại di động	150	30	120	6
MĐ 27	Máy CAMERA (cam, corder)	120	30	90	5
MĐ 28	Thực tập sản xuất	240	0	240	0
	Tổng cộng	2970	1030	1910	118

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân phối thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Đo lường - Cảm biến	60	30	30	2
MĐ 30	Điện tử ứng dụng trong điều khiển tự động	165	45	120	5

MĐ 31	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy tính	165	45	120	5
MĐ 32	Sửa chữa bộ nguồn máy tính	60	30	30	2
MĐ 33	Đầu thu truyền hình kỹ thuật số	90	30	60	4
MĐ 34	Sửa chữa màn hình máy vi tính	90	30	60	4
MĐ 35	Điện tử công suất	105	45	60	4
MĐ 36	Nâng cao hiệu quả công tác	30	15	15	2
MĐ 37	PLC	120	30	90	5
MĐ 38	Vi mạch số lập trình	75	15	60	2
MĐ 39	Thiết kế và thi công board mạch	90	15	75	3
MĐ 40	Hệ thống cảnh báo chống trộm, chống cháy	165	45	120	20
MĐ 41	Hệ thống camera giám sát	120	30	90	5

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Điện tử dân dụng đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Điện tử ứng dụng trong điều khiển tự động	165	45	120	5
MĐ 31	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy tính	165	45	120	5
MĐ 32	Sửa chữa bộ nguồn máy tính	60	30	30	2
MĐ 35	Điện tử công suất	105	45	60	4
MĐ 40	Hệ thống cảnh báo chống trộm, chống cháy	165	45	120	20
MĐ 41	Hệ thống camera giám sát	120	30	90	5
	Tổng cộng	780	240	540	41

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp giữa lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 8 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại
khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục
toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý.





Phụ lục 10:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Chế biến rau quả"

Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐT BXH

ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 10A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Chế biến rau quả

Mã nghề: 40540107

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng mô đun, môn học đào tạo: 30

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Vận dụng được những kiến thức cơ bản về chế biến rau quả như: xử lý rau quả bán thành phẩm trước khi sấy, phân loại được sản phẩm theo quy trình sản xuất, thực hiện các thao tác, đảm bảo cơ sở lý thuyết của từng quá trình;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chế biến rau quả như: quy trình sản xuất,

+ Trình bày được tính chất, thành phần của nguyên vật liệu và ảnh hưởng của chúng đến công nghệ, chất lượng sản phẩm;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và kỹ thuật vận hành đảm bảo an toàn các thiết bị trong chế biến rau quả;

+ Trình bày được nguyên tắc và các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng một số chỉ tiêu nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong dây chuyền chế biến rau quả;

+ Trình bày được kỹ thuật an toàn khi vận hành một số thiết bị trong công nghệ sản xuất rau quả. Rèn luyện kỹ năng đề phòng tai nạn lao động và xử lý các tình huống khi có tai nạn lao động xảy ra. Nâng cao ý thức về an toàn lao động.

- Kỹ năng:

+ Vận hành được một số thiết bị dùng trong công nghệ chế biến rau quả;

+ Làm được công tác vệ sinh thiết bị định kỳ theo đúng quy trình;

+ Phát hiện được sự cố kỹ thuật trong mỗi công đoạn sản xuất;

+ Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất;

+ Vận hành thành thạo các thiết bị dùng trong chế biến rau quả;

+ Sử dụng được các dụng cụ đo, kiểm tra nguyên liệu, thiết bị trên dây chuyền sản xuất;

+ Có khả năng làm việc, ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào công việc.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật lao động;

+ Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, lao động có chất lượng và năng suất cao, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp;

+ Có ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, có ý thức bảo vệ của công;

+ Luôn chấp hành các nội quy, quy chế của đơn vị;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn; biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

+ Có sức khỏe, lòng yêu nghề, có ý thức với cộng đồng và xã hội.

3. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp, học sinh trở thành người lao động có trình độ Trung cấp nghề;

- Làm việc được ở các Công ty sản xuất, chế biến rau quả: Tiếp nhận nguyên liệu, giám sát quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm rau quả;

- Làm việc trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm rau quả.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1710 giờ; Thời gian học tự chọn: 630 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 649 giờ; Thời gian học thực hành: 1691 giờ

3. Thời gian học các môn văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:

(Danh mục các môn văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1710	502	1099	109
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	330	222	88	20
MH 07	Hóa học và hóa sinh học thực phẩm	60	42	15	3
MH 08	Vi sinh vật học thực phẩm	60	42	15	3

MH 09	Vệ sinh an toàn thực phẩm	60	42	15	3
MH 10	Các quá trình công nghệ cơ bản trong chế biến thực phẩm	90	54	28	8
MH 11	An toàn lao động	60	42	15	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1380	224	1065	91
MH 12	Máy và thiết bị chế biến rau quả	90	56	28	6
MĐ 13	Kiểm tra, vệ sinh máy và thiết bị chế biến rau quả	90	28	55	7
MH 14	Bảo quản rau quả	90	56	28	6
MĐ 15	Tiếp nhận và xử lý nguyên liệu rau quả	90	14	70	6
MĐ 16	Sản xuất rau quả sấy khô	90	14	70	6
MĐ 17	Sản xuất đồ hộp quả nước đường	90	14	70	6
MĐ 18	Sản xuất đồ hộp nước quả	90	14	70	6
MĐ 19	Sản xuất bột rau quả	90	14	70	6
MĐ 20	Bao bì đóng gói sản phẩm rau quả	90	28	55	7
MĐ 21	Sản xuất nước quả cô đặc	90	28	55	7
MĐ 22	Sản xuất mứt trái cây	90	14	70	6
MĐ 23	Thực tập tốt nghiệp	390	0	370	20
Tổng cộng		1920	608	1186	126

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Sản xuất rau quả đông lạnh	90	14	70	6
MĐ 25	Sản xuất rau dầm dầm	90	14	70	6

MĐ 26	Sản xuất rau quả muối chua	90	14	70	6
MĐ 27	Sản xuất ketchup	90	14	70	6
MĐ 28	Sản xuất rượu vang từ quả	90	14	70	6
MĐ 29	Sản xuất rượu mùi từ quả	90	14	70	6
MĐ 30	Sản xuất nước quả có gas	90	14	70	6
MĐ 31	Sản xuất chip quả	90	14	70	6
MĐ 32	Chế biến hạt đều	90	14	70	6
MĐ 33	Chế biến tối thiểu rau quả	90	14	70	6

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Chế biến rau quả đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể chọn 7 môn học, mô đun trong danh mục trên, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Sản xuất rau quả đông lạnh	90	14	70	6
MĐ 25	Sản xuất rau dầm dầm	90	14	70	6

MĐ 26	Sản xuất rau quả muối chua	90	14	70	6
MĐ 27	Sản xuất ketchup	90	14	70	6
MĐ 28	Sản xuất rượu vang từ quả	90	14	70	6
MĐ 29	Sản xuất rượu mùi từ quả	90	14	70	6
MĐ 30	Sản xuất nước quả có gas	90	14	70	6
Tổng		630	98	490	42

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề:	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

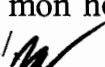
- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần .
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý. / 

Phụ lục 10B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Chế biến rau quả

Mã nghề: 50540107

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Mô tả được nguyên tắc hoạt động, tính năng, công dụng và qui trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong chế biến rau quả;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chế biến rau quả như: xử lý rau quả bán thành phẩm trước khi sấy, cô đặc, sản xuất đồ hộp;...

+ Mô tả được cách phân loại được sản phẩm theo quy trình sản xuất, duy trì đúng điều kiện bảo ôn sản phẩm, loại bỏ đúng các sản phẩm hư hỏng trong thời gian bảo ôn, thực hiện chính xác các thao tác, đảm bảo cơ sở lý thuyết của từng quá trình;

+ Trình bày được về tính chất, thành phần của nguyên vật liệu và ảnh hưởng của chúng đến công nghệ, chất lượng sản phẩm;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và kỹ thuật vận hành đảm bảo an toàn các thiết bị trong chế biến rau quả;

+ Giải thích được nguyên tắc và các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng một số chỉ tiêu nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong dây chuyền chế biến rau quả;

+ Trình bày được các nguyên tắc, quy định, tiêu chuẩn trong quản lý an toàn thực phẩm: HACCP, ISO 2200;

+ Trình bày được nguyên tắc và các phương pháp lấy mẫu, mô tả mẫu kiểm tra, đánh giá chất lượng một số chỉ tiêu nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong dây chuyền chế biến rau quả, bảo quản và vận chuyển mẫu đúng qui định;

+ Trình bày được các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình thực hiện các thao tác;

+ Áp dụng được những kiến thức về quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa trong việc tham gia xây dựng, duy trì các thủ tục kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng rau quả;

+ Sử dụng được các dụng cụ đo, kiểm tra nguyên liệu, thiết bị trên dây chuyền sản xuất;

+ Đánh giá chất lượng sản phẩm đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn;

+ Hiểu được tầm quan trọng của an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp trong sản xuất, hình thành tính cẩn thận chính xác logic khoa học;

+ Trình bày được kỹ thuật an toàn khi vận hành một số thiết bị trong công nghệ sản xuất rau quả. Đề phòng tai nạn lao động và xử lý các tình huống khi có tai nạn lao động xảy ra. Nâng cao ý thức về an toàn lao động;

+ Lập được kế hoạch và phân bố thời gian hợp lý cho từng công đoạn sản xuất trong một ca sản xuất;

+ Giải quyết được những tình huống phức tạp xảy ra trong thực tế;

+ Có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào công việc.

- Kỹ năng:

+ Vận hành thành thạo các thiết bị dùng trong chế biến rau quả;

+ Tính toán chính xác khối lượng nguyên liệu để phối liệu trong sản xuất;

+ Pha được các dung dịch hóa chất và sử dụng được các dụng cụ phòng thí nghiệm dùng trong phân tích các chỉ tiêu chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm;

+ Thực hiện các thao tác vận hành, kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng máy, thiết bị chế biến theo đúng trình tự qui định, đảm bảo an toàn;

+ Phát hiện và khắc phục sự cố kỹ thuật trong mỗi công đoạn sản xuất;

+ Đề xuất các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, kiểm tra nguyên liệu, thiết bị trên dây chuyền sản xuất;

+ Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm

+ Tổ chức quản lý và điều hành sản xuất;

+ Sáng tạo trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm;

+ Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh, rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỉ

mỉ, chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hoặc công ty kinh doanh về lĩnh vực chế biến rau quả;

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội Chủ nghĩa;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc. Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình thực hiện thao tác phân tích;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chày;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn; biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên trở thành người lao động có trình độ Cao đẳng nghề:

+ Đảm nhiệm được công việc tại các vị trí: tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật;

+ Làm việc được ở các Công ty sản xuất, chế biến rau quả: Tiếp nhận nguyên liệu, giám sát quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm rau quả;

+ Làm việc trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm rau quả;

+ Tự xây dựng cơ sở sản xuất rau quả ở quy mô nhỏ;

+ Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc và có thể tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 100 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2550 giờ; Thời gian học tự chọn: 750 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1142 giờ; Thời gian học thực hành: 2158 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2550	812	1544	194
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	795	420	321	54
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	42	15	3
MH 08	Hóa phân tích	90	56	28	6
MH 09	Hóa học và hóa sinh học thực phẩm	90	56	28	6
MH 10	Vi sinh vật học thực phẩm	90	56	28	6
MH 11	Dinh dưỡng	45	28	14	3
MH 12	Vệ sinh an toàn thực phẩm	60	42	15	3

MH 13	Các quá trình công nghệ cơ bản trong chế biến thực phẩm	90	56	28	6
MH 14	An toàn lao động	60	42	15	3
MĐ 15	Phân tích thực phẩm	210	42	150	18
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1755	392	1223	140
MH 16	Máy và thiết bị chế biến rau quả	120	70	40	10
MĐ 17	Kiểm tra, vệ sinh máy và thiết bị chế biến rau quả	90	28	55	7
MĐ 18	Bảo quản rau quả	120	28	80	12
MĐ 19	Tiếp nhận và xử lý nguyên liệu rau quả	120	28	80	12
MĐ 20	Sản xuất rau quả sấy khô	120	28	80	12
MĐ 21	Sản xuất đồ hộp quả nước đường	120	28	80	12
MĐ 22	Sản xuất đồ hộp nước quả	120	28	80	12
MĐ 23	Sản xuất bột rau quả	120	28	80	12
MĐ 24	Sản xuất nước quả cô đặc	90	28	55	7
MĐ 25	Bao bì và đóng gói sản phẩm rau quả	90	28	55	7
MĐ 26	Quản lý an toàn thực phẩm	75	42	28	5
MĐ 27	Kiểm soát chất lượng sản phẩm rau quả	120	28	80	12
MĐ 28	Thực tập nghề nghiệp	450	0	430	20
Tổng cộng		3000	1032	1744	224

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Sản xuất rau quả đông lạnh	90	14	70	6
MĐ 30	Sản xuất rau quả dầm dấm	90	14	70	6
MĐ 31	Sản xuất mứt trái cây	90	14	70	6

MĐ 32	Sản xuất rau quả muối chua	90	14	70	6
MĐ 33	Sản xuất ketchup	90	14	70	6
MĐ 34	Sản xuất rượu vang từ quả	90	14	70	6
MĐ 35	Sản xuất rượu mùi từ quả	90	14	70	6
MĐ 36	Sản xuất nước quả có gas	90	14	70	6
MĐ 37	Sản xuất chip quả	90	14	70	6
MĐ 38	Chế biến hạt điều	90	14	70	6
MĐ 39	Chế biến tối thiểu rau quả	90	14	70	6
MH 40	Ngoại ngữ chuyên ngành (Anh văn)	60	42	15	3
MH 41	Phụ gia thực phẩm	60	42	15	3
MH 42	Kỹ năng làm việc nhóm	60	42	15	3
MH 43	Quản lý sản xuất	60	42	15	3
MH 44	Phát triển sản phẩm	60	42	15	3
MH 45	Marketing thực phẩm	60	42	15	3
MH 46	Kỹ thuật xử lý môi trường	60	42	15	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Chế biến rau quả đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 9 môn học, mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Sản xuất rau quả đông lạnh	90	14	70	6
MĐ 30	Sản xuất rau quả dầm dấm	90	14	70	6
MĐ 31	Sản xuất mứt trái cây	90	14	70	6
MĐ 32	Sản xuất rau muối chua	90	14	70	6
MĐ 34	Sản xuất rượu vang từ quả	90	14	70	6
MĐ 35	Sản xuất rượu mùi từ quả	90	14	70	6
MĐ 36	Sản xuất nước quả có gas	90	14	70	6
MH 43	Quản lý sản xuất	60	42	15	3
MH 44	Phát triển sản phẩm	60	42	15	3
Tổng		750	182	520	48

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/ sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề:	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/ sinh viên)
		Trắc nghiệm	Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý.



Phụ lục 11:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Kỹ thuật điêu khắc gỗ"

Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2012/TT - BLĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 11A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Kỹ thuật điêu khắc gỗ

Mã nghề: 40210101

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; (Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì bổ sung thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 25

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1 Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Mô tả được các đặc điểm cơ bản của vật liệu gỗ;
- + Trình bày được cấu tạo, công dụng, cách mài, cách sử dụng các loại dụng cụ thủ công dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Mô tả được cấu tạo, công dụng, cách sử dụng các loại máy móc, thiết bị dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Trình bày được quy trình điêu khắc hoa văn;
- + Trình bày được quy trình điêu khắc phù điêu;
- + Mô tả được quy trình điêu khắc con giống;
- + Trình bày được quy trình điêu khắc tượng người theo tích cổ;
- + Trình bày được quy trình điêu khắc tượng người đương đại;
- + Mô tả được quy trình điêu khắc lều tù;
- + Mô tả được quy trình điêu khắc bệ tù;
- + Trình bày được quy trình trang sức bề mặt sản phẩm điêu khắc gỗ.

- Kỹ năng:

- + Nhận biết được một số loại gỗ thường dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Mài được các loại dụng cụ thủ công đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;

- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ thủ công dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Sử dụng được các loại máy móc, thiết bị dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Điêu khắc được các loại hoa văn theo mẫu đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật;
- + Điêu khắc được các loại phù điêu theo mẫu đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật;
- + Điêu khắc được các loại con giống theo mẫu đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật;
- + Điêu khắc được một số tượng người theo tích cổ theo mẫu đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật;
- + Điêu khắc được một số tượng người đương đại theo mẫu đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật;
- + Trang sức được bề mặt sản phẩm điêu khắc gỗ đảm bảo kỹ thuật và kỹ thuật;
- + Tổ chức, quản lý được tổ sản xuất, ca sản xuất, các cơ sở sản xuất sản phẩm điêu khắc gỗ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam;
- + Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;
- + Rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Thể chất và quốc phòng:

- + Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình;
- + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp; tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khoẻ thường xuyên;
- + Hiểu rõ truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, lịch sử truyền thống vẻ vang của các lực lượng vũ trang, làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;
- + Thành thạo các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp học sinh làm việc ở các cơ sở sau đây:

- Làm việc trong các doanh nghiệp sản xuất hàng mộc mỹ nghệ, điêu khắc gỗ: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó, trưởng ca sản xuất;

- Làm việc trong các cơ sở sản xuất hàng mộc mỹ nghệ, điêu khắc gỗ tại các làng nghề: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó;

- Thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ, điêu khắc gỗ.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2115 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1905 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1325 giờ; Thời gian học tự chọn: 580 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 479 giờ; Thời gian học thực hành: 1426 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng – An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1325	355	906	64
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	185	80	94	11
MH 07	Vẽ mỹ thuật	95	20	70	5
MH 08	Vật liệu gỗ	30	20	8	2
MH 09	An toàn lao động	30	20	8	2
MH 10	Quản lý sản xuất.	30	20	8	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1140	275	812	53

MĐ 11	Chuẩn bị sử dụng dụng cụ thủ công	80	20	55	5
MĐ 12	Chuẩn bị sử dụng thiết bị, máy móc	120	30	85	5
MĐ 13	Điều khắc hoa văn I	80	15	60	5
MĐ 14	Điều khắc phù điêu I	140	30	105	5
MĐ 15	Điều khắc con giống I	160	40	115	5
MĐ 16	Điều khắc tượng người theo tích cổ I	200	50	145	5
MĐ 17	Điều khắc tượng người đương đại I	140	35	100	5
MĐ 18	Điều khắc lều tú I	80	20	55	5
MĐ 19	Điều khắc bệ tú I	100	25	67	8
MĐ 20	Trang sức bề mặt sản phẩm	40	10	25	5
Tổng cộng		1535	461	993	81

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Điều khắc hoa văn II	120	24	91	5
MĐ 22	Điều khắc phù điêu II	120	24	91	5
MĐ 23	Điều khắc con giống II	120	25	90	5
MĐ 24	Điều khắc tượng người theo tích cổ II	120	25	90	5
MĐ 25	Điều khắc tượng người đương đại II	100	25	70	5
MĐ 26	Điều khắc lều tú II	120	25	90	5
MĐ 27	Điều khắc bệ tú II	120	25	90	5

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật điêu khắc gỗ đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể chọn 5 môn học, mô đun trong danh mục trên, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Điêu khắc phù điêu II	120	24	91	5
MĐ 23	Điêu khắc con giống II	120	25	90	5
MĐ 24	Điêu khắc tượng người theo tích cổ II	120	25	90	5
MĐ 25	Điêu khắc tượng người đương đại II	100	25	70	5
MĐ 27	Điêu khắc bệ tủ II	120	25	90	5
	Tổng cộng	580	124	431	25

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo

3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ
---	---	--	--

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện :

- Để học sinh có điều kiện tìm hiểu thực tế sản xuất, trường có thể bố trí cho học sinh tham quan các làng chạm khắc gỗ, các cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ truyền thống, chạm khắc gỗ tại các làng nghề chạm khắc gỗ La Xuyên (Nam Định), Vân Hà (Hà Nội), Đồng Kỵ (Bắc Ninh);

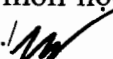
- Sử dụng 03 ngày cho học sinh đi tham quan học tập tại các làng nghề chạm khắc gỗ và các cơ sở sản xuất chạm khắc gỗ;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Đối với khoá học trong kế hoạch đào tạo không tổ chức đào tạo liên thông thì các môn học chung không tách thành hai phần như trong chương trình khung;

- Khi các Trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý. 



Phụ lục 11B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Kỹ thuật điêu khắc gỗ

Mã nghề : 50210101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 27

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1 Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Mô tả được các đặc điểm cơ bản của vật liệu gỗ;
- + Phân tích được cấu tạo, công dụng, cách mài, cách sử dụng các loại dụng cụ thủ công dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Phân tích được cấu tạo, công dụng, cách sử dụng các loại máy móc, thiết bị dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Trình bày được quy trình điêu khắc hoa văn;
- + Phân tích được quy trình điêu khắc phù điêu;
- + Mô tả được quy trình điêu khắc con giống;
- + Phân tích được quy trình điêu khắc tượng người theo tích cổ;
- + Phân tích được quy trình điêu khắc tượng người đương đại;
- + Mô tả được quy trình điêu khắc lều tù;
- + Mô tả được quy trình điêu khắc bệ tù;
- + Phân tích được quy trình trang sức bề mặt sản phẩm điêu khắc gỗ;
- + Trình bày được quy trình sáng tác mẫu điêu khắc gỗ.

- Kỹ năng:

- + Nhận biết được một số loại gỗ thường dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Mài và sửa thành thạo các loại dụng cụ thủ công đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ thủ công dùng trong nghề điêu khắc gỗ;
- + Sử dụng thành thạo các loại máy móc, thiết bị dùng trong nghề điêu khắc gỗ;

+ Điều khắc được các loại hoa văn theo mẫu đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật tốt;

+ Điều khắc được các loại phù điêu theo mẫu đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật tốt;

+ Điều khắc được các loại con giống theo mẫu đảm bảo chất lượng kỹ thuật và mỹ thuật cao;

+ Điều khắc được tượng người theo tích cổ theo mẫu đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật tốt;

+ Điều khắc được tượng người đương đại theo mẫu đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật tốt;

+ Trang sức được bề mặt sản phẩm điêu khắc gỗ đảm bảo chất lượng kỹ thuật và kỹ thuật cao;

+ Sáng tác được đề tài sinh hoạt, văn hoá dân gian, động vật, hoa lá;

+ Tổ chức, quản lý được tổ sản xuất, ca sản xuất, phân xưởng sản xuất;

+ Tự tổ chức được doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điêu khắc gỗ.

2. Chính trị đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam;

+ Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;

+ Rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình;

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khoẻ, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp; tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khoẻ thường xuyên;

+ Hiểu rõ truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, lịch sử truyền thống vẻ vang của các lực lượng vũ trang, làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo các kỹ năng quân sự cần thiết, biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại:

- Các doanh nghiệp sản xuất hàng mộc mỹ nghệ, điêu khắc gỗ: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó, trưởng ca sản xuất;

- Các cơ sở sản xuất hàng mộc mỹ nghệ, điêu khắc gỗ tại các làng nghề: kỹ thuật viên, tổ trưởng, tổ phó;

- Giáo viên dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề điêu khắc gỗ;

- Thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ, điêu khắc gỗ.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 108 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3260 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 60 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2810 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1930 giờ; Thời gian học tự chọn: 880 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 690 giờ; Thời gian học thực hành: 2120 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

MÃ MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng – An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1930	500	1362	68
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	250	90	144	16
MH 07	Vẽ mỹ thuật	160	30	120	10
MH 08	Vật liệu gỗ	30	20	8	2
MH 09	An toàn lao động	30	20	8	2
MH 10	Quản lý sản xuất.	30	20	8	2
<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	1680	410	1218	52

MĐ 11	Chuẩn bị sử dụng dụng cụ thủ công	80	20	55	5
MĐ 12	Chuẩn bị sử dụng thiết bị máy	240	60	175	5
MĐ 13	Điều khắc hoa văn I	80	15	60	5
MĐ 14	Điều khắc phù điêu I	180	40	135	5
MĐ 15	Điều khắc con giống I	240	60	175	5
MĐ 16	Điều khắc tượng người theo tích cổ I	280	70	205	5
MĐ 17	Điều khắc tượng người đương đại I	280	70	205	5
MĐ 18	Điều khắc lều tú I	80	20	55	5
MĐ 19	Điều khắc bệ tú I	100	25	70	5
MĐ 20	Trang sức bề mặt sản phẩm	40	10	28	2
MĐ 21	Sáng tác mẫu	80	20	55	5
Tổng cộng		2380	720	1562	98

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Chuẩn bị sử dụng thiết bị máy móc chuyên dùng	160	35	120	5
MĐ 23	Điều khắc hoa văn II	120	25	90	5
MĐ 24	Điều khắc phù điêu II	120	25	90	5
MĐ 25	Điều khắc con giống II	160	35	120	5
MĐ 26	Điều khắc tượng người theo tích cổ II	120	25	90	5
MĐ 27	Điều khắc tượng người đương đại II	200	45	150	5
MĐ 28	Điều khắc lều tú II	120	25	90	5
MĐ 29	Điều khắc bệ tú II	120	25	90	5

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐT BXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật điêu khắc gỗ đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học; mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 6 môn học, mô đun tự chọn mà chương trình khung đã giới thiệu theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Chuẩn bị sử dụng thiết bị máy móc chuyên dùng	160	35	120	5
MĐ 24	Điêu khắc phù điêu II	120	25	90	5
MĐ 25	Điêu khắc con giống II	160	35	120	5
MĐ 26	Điêu khắc tượng người theo tích cổ II	120	25	90	5
MĐ 27	Điêu khắc tượng người đương đại II	200	45	150	5
MĐ 29	Điêu khắc bệ tủ II	120	25	90	5
	Tổng cộng	880	190	660	30

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và trả lời 20 phút/sinh viên)

2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề: * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ
---	--	--	---

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế sản xuất, trường có thể bố trí cho học sinh tham quan các làng chạm khắc gỗ, các cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ truyền thống, chạm khắc gỗ tại các làng nghề chạm khắc gỗ La Xuyên (Nam Định), Vân Hà (Hà Nội), Đồng Kỵ (Bắc Ninh);...

- Sử dụng 03 ngày cho sinh viên đi tham quan học tập tại các làng nghề chạm khắc gỗ và các cơ sở sản xuất chạm khắc gỗ;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Đối với khoá học trong kế hoạch đào tạo không tổ chức đào tạo liên thông thì các môn học chung không tách thành hai phần như trong chương trình khung;

- Khi các Trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý.